

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TOÁN

I/ TRANH ẢNH

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bảng 30 số la mã đầu tiên	6	tờ	0	
2	Bảng các số nguyên tố, hộp số đến 100	6	tờ	1	
3	Đo chiều dài	6	tờ	1	
4	Biểu đồ % dưới dạng ô vuông	6	tờ	0	
5	Biểu đồ % dưới dạng cột	6	tờ	1	
6	Biểu đồ % dưới dạng quạt	6	tờ	1	
7	Bảng số liệu thống kê	7	tờ	1	
8	Tam giác vuông đồng dạng	8	tờ	2	
9	Tam giá đồng dạng	8	tờ	2	
10	Hình đồng dạng	8	tờ	3	
11	Hình chóp tứ giác đều	8	tờ	2	
12	Hình khai triển của hình lăng trụ đứng	8	tờ	3	
13	Hình khai triển của hình hộp	8	tờ	3	
14	Bộ hình học lớp 6	6	bộ	3	
15	Thước đo độ	6,7,8,9	cái	3	
16	Ê ke nhựa	6,7,8,9	cái	4	
17	Compa gỗ	6,7,8,9	cái	0	
18	Bảng nhóm	6,7,8,9	cái	4	
19	Thước đo đặc thực hành	6,7,8,9	cái	2	
20	Bảng số liệu thống kê	7	cái	0	
21	Thước vẽ truyền (hình học)	8	cái	14	
22	MH hình lăng trụ đứng tam giác	8	cái	3	
23	MH hình lăng trụ đứng tứ giác	8	cái	2	
24	MH khối hình hộp chữ nhật	8	cái	2	
25	MH khối lập phương	8	cái	3	
26	MH khối hình cầu	8	cái	2	
27	MH khối trụ	8	cái	3	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
28	MH khối hình nón	8	cái	3	
29	MH khối chóp tam giác đều	8	cái	3	
30	MH khối chóp cụt	8	cái	3	
31	Hình khai triển của hình hộp chữ nhật	8	cái	1	
32	Hình khai triển của hình lăng trụ	8	cái	1	
33	Hình khai triển của hình lập phương	8	cái	2	
34	Hình khai triển của hình lăng trụ đứng (tam giác)	8	cái	1	
35	Hình khai triển của hình chóp (tứ giác đều)	8	cái	2	
36	Hình khai triển của hình chóp (tam giác đều)	8	cái	1	
37	Hình khai triển của hình chóp cụt	8	cái	1	
TỔNG: 37 MỤC					

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ - ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025**PHÂN MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN****I/ ĐỒ DÙNG**

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đồng hồ đo thời gian hiện số Đo thời gian trong các thí nghiệm có dùng công quang.		Cái	1	
	- Đồng hồ đo thời gian hiện số, có hai thang đo 9,999s và 99,99s, ĐCNN 0,001s. Có 5 kiểu hoạt động: A, B, A+B, A $\leftrightarrow$ B, T, thay đổi bằng chuyển mạch. Có 2 ổ cắm 5 chân A, B dùng nối với công quang điện, hoặc nam châm điện, 1 ổ cắm 5 chân C chỉ dùng cấp điện cho nam châm, số đo thời gian được hiển thị đếm liên tục trong quá trình đo; - Một hộp công tắc: nút nhấn kép lắp trong hộp bảo vệ, một đầu có ổ cắm, đầu kia ra dây tín hiệu dài 1m có phích cắm 5 chân.				
2	Bảng thép Lắp dụng cụ thí nghiệm.		Cái	1	
	Bảng thép có độ dày > 0.5mm, kích thước (400x550)mm, sơn tĩnh điện màu trắng, nẹp bằng nhôm viền xung quanh; hai vít M4x40mm lắp vòng đệm $\Phi 12$ mm để treo lò xo. Mặt sau có gắn 2 khớp nối bằng nhôm (30x20x18)mm có vít hãm bằng thép bọc nhựa ở mặt sau để lắp vào giá. Đảm bảo cứng và phẳng.				
3	Quả kim loại Làm gia trọng		Hộp	1	
	Gồm 12 quả bằng inox loại 50g, có 2 móc treo, được đựng trong hộp kích thước: (10x8x5)cm				
4	Đồng hồ đo điện đa năng Dùng trong các thí nghiệm về điện và từ.		Cái	1	
	Loại thông dụng, hiển thị đến 4 chữ số: Dòng điện một chiều: Giới hạn đo 10 A, có các thang đo μA , mA, A. Dòng điện xoay chiều: Giới hạn đo 10 A, có các thang đo μA , mA, A. Điện áp một chiều: có các thang đo mV và V. Điện áp xoay chiều: có các thang đo mV và V.				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
5	Dây điện trở Thí nghiệm về mạch điện.		Dây	1	
	- Dây điện trở F 0,3x150mm, gắn vào 02 chốt trên thanh đỡ nhựa Φ 9,4mm dài 200 mm - 1 thanh đỡ nhựa Φ 9,4mm dài 200 mm - 1 khớp nối làm bằng nhôm/hộp kim, có vít hãm đầu bọc nhựa. Tất cả được đựng trong hộp nhựa.				
6	Máy phát âm tần Dùng cho các thí nghiệm.		Cái	1	
	Phát tín hiệu hình sin, hiển thị được tần số (4 chữ số), dải tần từ 0,1Hz đến 1000Hz, điện áp vào 220V, điện áp ra cao nhất 15Vpp, công suất tối thiểu 20w.				
7	Cổng quang Xác định thời gian vật di chuyển.		Cái	1	
	Cổng quang điện lắp trên khung nhôm hộp kim, dày 1mm, sơn tĩnh điện màu đen. Dây tín hiệu 4 lõi dài 1,5 m, có đầu phích 5 chân nối cổng quang điện với ổ A hoặc B của đồng hồ đo thời gian hiện số.				
8	Cảm biến điện thế Xác định hiệu điện thế.		Cái	1	
	Thang đo: Tối thiểu ± 12 VDC. Độ phân giải: $\pm 0,01$ VDC. Hộp cảm biến có kích thước (92x56x28)mm, bằng nhựa ABS, có cổng RJ45 để cấp nguồn và truyền dữ liệu đến bộ thu nhận TELab2. Dây đo dài 50cm có 02 đầu kẹp cá sấu. Hiển thị trực tiếp kết quả đo bằng màn hình LED. Tự động gửi kết quả đo cho điện thoại, máy tính và bộ thu nhận TELab2 qua wifi. Nguồn cấp khi kết nối wifi: 01 giá pin 3AA				
9	Cảm biến dòng điện Xác định cường độ dòng điện.		Cái	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Thang đo $\pm 1 A$. Độ phân giải: $\pm 1 mA$. Hộp cảm biến có kích thước (92x56x28)mm, bằng nhựa ABS, có cổng RJ45 để cấp nguồn và truyền dữ liệu đến bộ thu nhận TELab2. Dây đo dài 50cm có 02 đầu kẹp cá sấu. Hiển thị trực tiếp kết quả đo bằng màn hình LED. Tự động gửi kết quả đo cho điện thoại, máy tính và bộ thu nhận TELab2 qua wifi. Nguồn cấp khi kết nối wifi: 01 giá pin 3AA				
10	Cảm biến nhiệt độ Xác định nhiệt độ		Cái	1	
	Thang đo: $-20^{\circ}C \sim 120^{\circ}C$ Độ phân giải: $\pm 0.03^{\circ}C$ Hộp cảm biến có kích thước (92x56x28)mm, bằng nhựa ABS, có cổng RJ45 để cấp nguồn và truyền dữ liệu đến bộ thu nhận TELab2, hộp nối với đầu đo bằng cáp dài 0,8m, đầu đo bằng thép chống gỉ. Tự động gửi kết quả đo cho điện thoại, máy tính và bộ thu nhận TELab2 qua wifi. Nguồn cấp khi kết nối wifi: 01 giá pin 3AA				
11	Đồng hồ bấm giây Đo thời gian		Cái	1	
12	Bộ lực kế Thí nghiệm về lực		Bộ	1	
	- Loại 0 - 2,5N, độ chia 0,05 N; - Loại 0 - 5 N, độ chia 0,1 N; - Loại 0 - 1N, độ chia 0,02 N. Bộ lực kế hình trụ (159x23x22)mm, đầu có móc treo làm bằng inox. Hiệu chỉnh được hai chiều khi treo hoặc kéo.				
13	Bộ thanh nam châm Dùng trong các thí nghiệm về điện và từ.		bộ	1	
14	Ampe kế một chiều Dạy học về đo cường độ dòng điện.		Cái	1	
15	Nguồn sáng Dùng cho các thí nghiệm về ánh sáng.		Bộ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Một bộ gồm: - Bộ gồm 4 đèn laser tạo các chùm tia song song và đồng phẳng, một chùm tia có thể thay đổi độ nghiêng mà vẫn đồng phẳng với các chùm tia còn lại điện áp hoạt động 6 V một chiều; kích thước điểm sáng từ 1,2 mm đến 1,5 mm; có công tắc tắt mở cho từng đèn. Đèn đảm bảo an toàn với thời gian thực hành; - Đèn 12V - 21W có bộ phận để tạo chùm tia song song, vỏ bằng nhôm hợp kim, có khe cài bản chắn sáng chữ L có 1 mặt 1 khe và 1 mặt 3 khe, có các vít điều chỉnh và hãm đèn, có trụ nhôm đường kính Ø10mm dài 80mm, Đèn được đặt trong hộp bằng nhôm kích thước (160x38x38)mm.				
16	Bút thử điện thông mạch Dùng trong thí nghiệm về điện		Cái	1	
17	Găng tay cao su		Đôi	20	
18	Bình chia độ Đo thể tích trong các nội dung thực hành.		Cái	2	
	Hình trụ Φ41 mm; cao 310 mm; hình trụ có đế; giới hạn đo 250ml; độ chia nhỏ nhất 2ml; thủy tinh trung tính, chịu nhiệt.				
19	Cốc thủy tinh 100 ml Chứa dung dịch làm các thí nghiệm.		Cái	7	
20	Ống nghiệm Dùng để làm các thí nghiệm.		Cái	34	
21	Lọ thủy tinh miệng hẹp kèm ống hút nhỏ giọt Đựng dung dịch sau pha chế để làm thí nghiệm		Bộ	1	
22	Thìa xúc hóa chất Lấy hóa chất rắn		Cái	6	
23	Pipet (ống hút nhỏ giọt; Loại thủy tinh 10 ml, dài 240mm, Φ13 mm, đầu có quả bóp cao su Φ35 mm)		Cái	2	
24	Cân điện tử Cân hóa chất		Cái	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
25	Giấy lọc Lọc chất rắn		Hộp	2	
26	Kính hiển vi Quan sát vật nhỏ		Cái	1	
27	Bộ dụng cụ đo chiều dài, thời gian, khối lượng, nhiệt độ		Bộ	1	
	Gồm: - Thước cuộn với dây không dẫn, dài tối thiểu 1500 mm.				
28	Bộ thiết bị chứng minh lực cản của nước Chứng minh vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước.		Bộ	1	
	Gồm: - Hộp đựng nước bằng mica trong dài 500mm, rộng 200mm, cao 150mm, dày 4,5mm;		cái		
	- Xe gắn tám cân bằng nhựa liên kết với nhau qua trục nhôm $\Phi 9,6$ mm dài 110mm có cơ cấu để xe chuyển động ổn định.		cái		
	- Lực kế 2N hình trụ có móc 1 đầu có độ phân giải tối thiểu 0,02 N;		cái		
	- Đường ray bằng nhôm định hình (510x64x15)mm.		cái		
	- Bộ trục chuyển động bằng inox $\Phi 10$ mm dài 495 mm 1 đầu có ren M8 dài 5mm		cái		
29	Bộ thiết bị thí nghiệm độ giãn lò xo Chứng minh độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.		Bộ	1	
	Gồm: - Lực kế lò xo loại (0-5)N độ chia nhỏ nhất là 0.1N đầu có 2 móc treo,				
	4 quả nặng bằng inox có khối lượng mỗi quả 50g đầu có móc treo được đựng trong hộp nhựa (10x8.5x5)cm				
	- Giá thẳng đứng bằng nhôm có thước thẳng với độ chia nhỏ nhất 1mm, thước dài 33cm. Giá có 2 khớp nối (10x21x18)mm, một khớp có vít hãm đầu bọc nhựa.				
	- 3 lò xo xoắn loại 1N,3N,5N bằng thép				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
30	Thiết bị đo tốc độ Mô tả cách đo tốc độ		Bộ	1	
	Đồng hồ bấm giây				
	Cổng quang điện				
	Đồng hồ đo thời gian hiện số				
	Mặt phẳng nghiêng làm bằng nhôm định hình (590x64x15)mm có thước chia dài 590mm độ chia nhỏ nhất 1mm				
	Có trục inox $\Phi 4 \times 107$ mm, 01 đầu có nút đệm bằng nhựa cứng.				
	Giá thí nghiệm				
	Xe lăn: Bằng nhựa, kích thước (80x48x20)mm, có khung nhôm dày 1mm bao bên trong bảo vệ, có gắn bánh xe để chuyển động, đầu xe có móc, ít ma sát.				
31	Bộ dụng cụ thí nghiệm về sóng âm Chứng minh độ cao liên hệ với tần số âm, sự phản xạ âm		Bộ	1	
	- Cảm biến âm thanh có tần số hoạt động 20 ~ 20000 Hz;				
	- Loa mini (74x49x74)mm gắn trên đế nhựa.				
	- Ống dẫn hướng âm thanh bằng nhựa trong $\Phi 39$ mm dài 62cm; có 2 giá đỡ bằng nhau.				
32	Bộ dụng cụ thí nghiệm thu năng lượng ánh sáng Thí nghiệm thu năng lượng ánh sáng		Bộ	1	
	Một tấm pin mặt trời kích thước (60x58)mm; điện áp không tải từ 0,6V đến 2,4V;				
	Hai dây nối điện (1 sợi màu xanh, 1 sợi màu đỏ).				
	- Gồm: độ nhạy lớn nhất với ánh sáng 0,48mm đến 1,2mm; Pin được gắn trên giá có 2 lỗ jack cắm $\Phi 4$ mm để lấy điện ra bên dưới có lắp đế nhôm kích thước (61x39x7)mm liên kết với nhau qua khớp nối $\Phi 10$ mm. và đế nhôm đế nhôm kích thước (61x39x7)mm, trên trục xoay mô tơ có lắp 1 cánh quạt (4 cánh) bằng nhựa $\Phi 60$ mm.				
33	Bộ dụng cụ thí nghiệm về ánh sáng Chứng minh định luật phản xạ ánh sáng		Bộ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	<i>Bản phẳng có chia độ 0 - 180° làm bằng xốp dày 9,5mm dưới có gắn đế bằng nhựa có gân cứng cao 7mm dày 2mm ;</i>				
	<i>- Gương phẳng có kích thước (150x200x3)mm, mài 4 cạnh</i>				
	<i>có giá đỡ gương bằng nhựa $\Phi 50\text{mm}$ trên giá đỡ có chia 3 rãnh để gắn gương phía dưới có tay cầm bằng nhôm $\Phi 9,6\text{mm}$ dài 60mm.</i>				
	<i>- Khe chắn sáng 2 làm bằng thép dày 0,7mm.</i>				
	<i>- Kim ghim gồm 3 cái</i>				
	<i>Hộp bằng nhựa (25x18x2.8)cm.</i>				
34	Bộ dụng cụ thí nghiệm về nam châm vĩnh cửu Chứng minh ảnh hưởng của nam châm đến các loại vật liệu; sự định hướng của kim nam châm.		Bộ	1	
	<i>Kim nam châm sơn 2 cực khác màu có giá đỡ bằng nhựa $\Phi 50\text{mm}$ cao 16mm có móc treo.</i>				
	<i>- Mảnh nhôm mỏng, kích thước (80x80)mm, đế bằng nhựa</i>				
	<i>- Thước nhựa dẹt, dài 300 mm, độ chia 1mm;</i>				
	<i>- La bàn loại nhỏ $\Phi 20\text{mm}$ (3 cái)</i>				
	<i>- Thí nghiệm O-Xtet gồm dây inox $\Phi 1\text{mm}$ dài 150mm cắm trên 2 trụ nhôm $\Phi 8\text{x}25\text{mm}$, gắn trên đế gỗ, kích thước (163x57x8)mm, trên mặt có 2 lỗ cắm jack $\Phi 4\text{mm}$.</i>				
	<i>dây treo</i>				
35	Bộ dụng cụ chế tạo nam châm Chế tạo nam châm điện đơn giản.		Bộ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	01kg dây đồng emay đường kính dây tối thiểu 0,3 mm, tối đa 0,4 mm. Bulon M8 dài 43 mm; Khung quần dây bằng nhựa PA hoặc ABS, hình trụ tròn, dài 30 mm, đường kính lỗ lắp bulon M8 dài 9 mm, đường kính lỗ quần dây 12 mm, hai bên có vách giữ dây với đường kính 30 mm.				
36	Bộ thí nghiệm từ phổ Tạo từ phổ bằng mặt sắt và nam châm.		Bộ	1	
	- Hộp nhựa trong (250x150x5)mm				
	Hộp mặt sắt có khối lượng 100g;				
37	Bộ dụng cụ thí nghiệm quang hợp Thí nghiệm chứng minh quang hợp		Bộ	1	
	Gồm: - Đĩa petri (bằng nhựa); Panh (bằng inox); hộp nhựa màu trắng trong kích thước: (36x26x14)cm; Cồn 70 độ (chai 1000ml); Dung dịch iode 1% (chai 200ml)				
38	Bộ dụng cụ thí nghiệm hô hấp tế bào Thí nghiệm chứng minh hô hấp tế bào		Bộ	1	
	Gồm: - Bình thủy tinh dung tích 1 lít, hình tam giác có đường kính miệng 58mm, đường kính đáy 130mm - Nút cao su không khoan lỗ có đường kính lớn 42mm đường kính nhỏ 37mm cao 29mm; (TBDC) Trong Thiết bị dùng chung - Dây kim loại được uốn cong 1 đầu dài 60mm, 1 đầu dài 190mm có giá đỡ nền $\Phi 10$ mm dài 15mm; - 2 cây nến nhỏ				
39	Bộ dụng cụ chứng minh thân vận chuyển nước Thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước		Bộ	1	
	1 con dao nhỏ (loại thông dụng);				
	2 lọ phẩm màu (màu xanh và màu đỏ);				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	- Cân thăng bằng có 2 đĩa cân bằng nhựa, đối xứng qua cánh tay đòn bằng thép, đế bằng nhựa có kèm vạch chia ở giữa tay đòn, 2 đầu cánh tay đòn có ốc điều chỉnh cân bằng, có thước thể hiện và điều chỉnh cân bằng, vạch chia nhỏ nhất là 1mm. Hộp quả cân bằng				
40	Bộ thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước Thí nghiệm chứng minh lá thoát hơi nước		Bộ	1	
	- Cân thăng bằng có 2 đĩa cân bằng nhựa $\Phi 104$ mm, đối xứng qua cánh tay đòn bằng thép, đế bằng nhựa có kèm vạch chia ở giữa tay đòn, 2 đầu cánh tay đòn có ốc điều chỉnh cân bằng, có thước thể hiện và điều chỉnh cân bằng, vạch chia nhỏ nhất là 1mm.				
	'Hộp quả cân bằng nhựa, gồm quả cân 100g, 200g, 300g, tất cả quả cân được làm bằng inox.				
	- Bình tam giác (Loại 250 ml) (TBDC).				
41	Thang đo Ph Bộ dụng cụ và thí nghiệm đo pH Thí nghiệm đo pH (bằng giấy chỉ thị hoặc cảm biến pH) một số loại thực phẩm (đồ uống, hoa quả)		Bộ	1	
	+ Cốc thủy tinh loại 100 ml				
	Giấy đo PH (1 tập)				
42	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp suất chất lỏng Chứng minh tác dụng của chất lỏng lên vật		Bộ	1	
	Vật nhôm 100 cm ³ đường kính 50mm, cao 50mm;				
	+ Bình tràn 650ml bằng nhựa trong hình trụ ($\Phi 100 \times 100$)mm, có nhánh ($\Phi 8 \times 18$)mm cách miệng bình 10mm, kèm giá đỡ inox $\Phi 5$ mm có đường kính 80 mm được gắn với khớp nối bằng nhôm (45x20x18)mm có khoá vặn bằng nhựa, giá đỡ có thể dịch chuyển bình theo phương thẳng				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Thí nghiệm mở rộng: - 1 phễu nhựa có đường kính 59mm - 2 màng cao su - 1 lọ màu - 1 giá đỡ bình thông nhau có kích thước (200x100)mm làm bằng nhựa trên có 3 chốt kẹp. - 1 ống cao su Ø6mm dài 470mm - 1 ống cao su Ø8mm dài 340mm				
43	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp lực Chứng minh áp suất chất lỏng		Bộ	1	
	Xi lanh 100ml có vạch chia 2ml.				
	Xi lanh 300ml có vạch chia 10ml				
	Áp kế: Dây đo áp suất 0-0,5kg/cm ² , mặt đồng hồ có đường kính 63mm. Ống cao su Ø8mm dài 200mm đầu có gắn khớp nối phù hợp với khớp áp kế.				
	Ống cao su Ø8mm dài 365 mm				
	02 đĩa làm bằng nhựa có đường kính 139mm, có gờ để lắp với xi lanh				
44	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của dòng điện		Bộ	2	
	Bình điện phân dung tích 200ml bằng nhựa trong suốt có kích thước: (76x46x78)mm, có nắp đậy cắm 02 điện cực bằng than Ø8mm, 02 jack cắm Ø4mm.				
	Công tắc được gắn trên đế nhựa màu cam (88x43x12)mm, trên mặt có 02 jack cắm Ø4mm.				
	Dây dẫn điện dài 500mm để ghép và nối mạch. Các dây điện có đầu kết nối phù hợp, có 2 sợi dây xanh và 2 sợi dây đỏ.				
	Bóng đèn 2,5V đui xoáy được gắn trên đế nhựa màu cam kích thước (88x43x12)mm, trên mặt có 02 jack cắm Ø4mm.				
	hộp nhựa (255x185x45)mm.				
45	Bộ dụng cụ đo năng lượng nhiệt Đo năng lượng nhiệt mà vật nhận khi được làm nóng		Bộ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	+ Nhiệt lượng kế có vỏ nhựa hình trụ $\Phi 100\text{mm}$, có xốp cách nhiệt, cao 100mm ; ruột trong inox $\Phi 70\text{mm}$, cao 75mm ; nắp nhựa PVC dày 7mm trên có 2 Jack cắm $\text{Ø}4\text{mm}$; liên kết với thanh đồng $\Phi 4\text{mm}$, dài 50mm , dây điện trở Nicrom $0,4\text{mm}$ điện trở $6,5\Omega$, 01 lỗ $\Phi 18\text{mm}$ để gắn				
	+ Oát kế ($115 \times 65 \times 27$)mm có công suất đo tối đa 75 W , cường độ dòng điện đo tối đa 3 A , điện áp đầu vào $0\text{-}30\text{ V-DC}$, cường độ dòng điện đầu vào $0\text{-}3\text{ A}$, độ phân giải công suất $0,01\text{ W}$; độ phân giải thời gian: $0,1\text{ s}$; có LCD hiển thị.				
46	Bộ dụng cụ thí nghiệm nở vì nhiệt Chứng minh các chất khác nhau nở vì nhiệt khác nhau.		Bộ	1	
	Ống kim loại rỗng ($\Phi 34 \times 450$)mm, sơn tĩnh điện với $\Phi 34\text{mm}$, chiều dài 450mm , trên thân có bộ phận gắn 03 ống dẫn hơi nước nóng vào/ra có đường kính $\text{Ø}8\text{mm}$, có lỗ để cắm nhiệt kế, hai đầu ống có nút cao su chịu nhiệt với lỗ $\Phi 6\text{ mm}$.				
	Được gắn trên đế bằng thép, châu chữ U sơn tĩnh điện, có cơ cấu để đỡ ống kim loại rỗng,				
	Đồng hồ chỉ thị độ giãn nở có độ chia nhỏ nhất $0,01\text{ mm}$ (đồng hồ so cơ khí), dây đo ($0\text{-}10$)mm mặt đồng hồ có đường kính 58mm .				
	01 thanh kim loại đồng có $\Phi 6\text{ mm}$, chiều dài 500 mm ;				
	01 thanh kim loại nhôm có $\Phi 6\text{ mm}$, chiều dài 500 mm ;				
	Ống cao su chịu nhiệt $\text{Ø}8\text{mm}$ dài 360mm để dẫn hơi nước đi qua ống kim loại rỗng;				
	Bộ đun nước bằng thủy tinh chịu nhiệt gồm:				
	Kiểm 3 chân bằng inox $\text{Ø}5\text{mm}$ (để chân có bọc nút nhựa)				
	Lưới inox (100×100)mm.				
	Đèn cồn bằng thủy tinh không bọt, nắp bằng nhựa, nút xỏ bắc bằng sứ. Thân ($\Phi 75\text{mm}$, cao 95mm , cổ 22mm). Có đế cầm bằng nhựa				
	Bình tam giác 250ml bằng thủy tinh trung tính, chịu nhiệt, đường kính đáy $\Phi 86\text{mm}$, chiều cao bình 140mm (trong đó cổ bình dài 32mm , kích thước $\Phi 28\text{mm}$).				
	Nhiệt kế có màn hình hiển thị (35×15)mm.				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
47	Bộ băng bó cho người gãy xương tay, xương chân Thực hiện sơ cứu và băng bó khi người khác bị gãy xương		Bộ	1	
	2 thanh nẹp bằng gỗ bào nhẵn (400x45x8)mm;				
	4 cuộn băng y tế dài > 250mm;				
	4 cuộn gạc y tế.				
48	Dụng cụ đo huyết áp Thực hành đo huyết áp		Bộ	1	
	Máy đo huyết áp. - Trọng lượng nhẹ có thể tháo rời từng bộ phận một cách đơn giản. - Độ bền cao với van xả khí được mạ crom và mặt đồng hồ lắp kính chịu lực tốt. - Quả bơm hơi và dây dẫn bằng cao su tự nhiên bền đẹp. - Đồng hồ hiển thị kết quả chính xác có vạch chia từ 0 ~ 300mmHg. - Tai nghe có độ khuếch đại lớn làm bằng Aluminum, nghe êm, không đau tai. - Thiết kế mặt nghe: 1 mặt - Ống dây nghe: Lồng ống đơn – Càng tai nghe góc mở rộng - Bao huyết áp vải kaki bền chắc đẹp, bóng bóp dây dẫn bằng cao su chất lượng. - Chiều dài dây nghe: 52 - 60 cm				
49	Bộ dụng cụ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính		Bộ	1	
	Gồm: - Hai lăng kính tam giác đều bằng thủy tinh hữu cơ dày tối thiểu 15 mm, cạnh dài tối thiểu 80 mm , có đế nam châm; - Màn chắn có khe chắn hẹp và màn quan sát bằng vật liệu đảm bảo độ bền cơ học, kích thước phù hợp, có đế nam châm.				
50	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ ánh sáng Chứng minh định luật khúc xạ ánh sáng		Bộ	1	
	Giấy kẻ ô li loại thông dụng. Cốc nhựa trong suốt hình trụ, thành mỏng, đường kính tối thiểu 80 mm, cao tối thiểu 100 mm, được dán giấy tối màu 2/3 thân cốc, có khe sáng 1 mm. Thước chia độ, compa hoặc tấm nhựa có in vòng tròn chia độ.				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
51	Bộ dụng cụ thí nghiệm khúc xạ, phản xạ toàn phần				
	Thí nghiệm về đường đi của một số tia sáng qua thấu kính, khúc xạ và phản xạ toàn phần		Bộ	1	
	<i>Lăng kính tam giác đều bằng thủy tinh hữu cơ dày tối thiểu 15 mm, cạnh dài tối thiểu 80 mm và có đế gắn nam châm;</i>				
	<i>Lăng kính phản xạ toàn phần, tam giác vuông cân bằng thủy tinh hữu cơ, dày tối thiểu 15 mm, cạnh dài tối thiểu 80 mm và có đế gắn nam châm;</i>				
	<i>Thấu kính hội tụ thủy tinh hữu cơ dày tối thiểu 15 mm, chiều cao tối thiểu 80 mm, có đế gắn nam châm;</i>				
	<i>Thấu kính phân kì thủy tinh hữu cơ dày tối thiểu 15 mm, chiều cao tối thiểu 80 mm, có đế gắn nam châm;</i>				
	<i>Bản bán trụ bằng thủy tinh hữu cơ, dày tối thiểu 15mm, đường kính tối thiểu 80 mm và có đế gắn nam châm;</i>				
52	<i>Bản hai mặt song song bằng thủy tinh hữu cơ, dày tối thiểu 15mm, kích thước khoảng (130x30) mm, có đế gắn nam châm.</i>				
	Dụng cụ thực hành kính lúp				
	Bộ dụng cụ thí nghiệm đo tiêu cự thấu kính Đo tiêu cự của thấu kính hội tụ, tính chất ảnh qua thấu kính		Bộ	1	
53	<i>Màn chắn sáng bằng nhựa cứng màu đen kích thước tối thiểu (80x100) mm, có lỗ tròn mang hình chữ F cao khoảng 25 mm</i>				
	<i>Màn ảnh bằng nhựa trắng mờ, kích thước tối</i>				
	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng của điện trở				
53	Chứng minh điện trở có tác dụng cản trở dòng điện		Bộ	1	
	<i>Pin có giá lắp pin loại AA, có đầu nối ở giữa; công tắc; bóng đèn; bảng lắp mạch điện.</i>				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
54	Bộ dụng cụ thí nghiệm định luật Ohm Thí nghiệm định luật Ohm; mạch song song, nối tiếp		Bộ	1	
55	Bộ dụng cụ thí nghiệm cảm ứng điện từ Chứng minh điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng		Bộ	2	
56	Bộ thí nghiệm về dòng điện xoay chiều Chứng minh nguyên tắc tạo ra dòng điện xoay chiều		Bộ	1	
	Máy phát AC thể hiện được cấu trúc gồm nam châm vĩnh cửu và cuộn dây, điện áp ra (3-5) V, (1-1,5) W, có bóng đèn, tay quay máy phát và để gắn máy.				
57	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm dãy hoạt động của kim loại Thí nghiệm về dãy hoạt động hóa học của kim loại. Sắp xếp thứ tự các kim loại trong dãy hoạt động hóa học của kim loại: Na; Fe; H; Cu; Ag		Bộ	2	
	Copper (II)sulfate ngâm nước ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$); Hydrochloric acid 37% (HCl); Silver nitrate (AgNO_3) (TBDC) Trong Thiết bị dùng chung; - Đinh sắt, Dây đồng, Đồng phoi bào (Cu); - Giấy phenolphthalein; - Ống dẫn bằng cao su (Kích thước $\Phi 6\text{mm}$, dài 1000mm, dày 1mm; cao su mềm chịu hoá chất không bị lão hoá)				
58	Bộ dụng cụ và hóa chất thí nghiệm về Ethylic alcohol Thí nghiệm ethylic alcohol có phản ứng cháy; Phản ứng với kim loại Na		Bộ	1	
	Sodium (Na); Ethylic alcohol 96o ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$);				
59	Bộ dụng cụ thí nghiệm acetic acid Thí nghiệm acetic acid có phản ứng ester hóa		Bộ	5	
	Ethylic alcohol 96o ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$); Acetic acid 65% (CH_3COOH); H_2SO_4 đặc				
	Ethylic alcohol 96o ($\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$); Acetic acid 65% (CH_3COOH); H_2SO_4 đặc				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
60	Glucose Bộ dụng cụ thí nghiệm phản ứng tráng bạc Thí nghiệm phản ứng tráng bạc của glucose.		Bộ	5	
	<i>Silver nitrate (AgNO₃); Glucozơ (kết tinh) (C₆H₁₂O₆)</i> <i>Dung dịch ammonia (NH₃) đặc; Giấy phenolphthalein</i>				
	<i>Silver nitrate (AgNO₃); Glucozơ (kết tinh) (C₆H₁₂O₆)</i> <i>Dung dịch ammonia (NH₃) đặc; Giấy phenolphthalein</i>				
61	Cellulose (xenlulozơ) Bộ dụng cụ Thí nghiệm cellulose Thí nghiệm cellulose có phản ứng thủy phân		Bộ	4	
	Silver nitrate (AgNO ₃).				
62	Bộ dụng cụ thí nghiệm tinh bột có phản ứng màu với iodine Thí nghiệm tinh bột có phản ứng màu với iodine		Bộ	4	
	Sulfuric acid 98% (H ₂ SO ₄); iodine (I ₂).				
63	Bộ thiết bị quan sát nhiễm sắc thể Thực hành quan sát tiêu bản nhiễm sắc thể dưới kính hiển vi		Bộ	1	
	<i>Tiêu bản nhiễm sắc thể (tiêu bản về cấu trúc của NST ở các kì khác nhau của quá trình nguyên phân, tiêu bản nhìn rõ nét cấu trúc NST).</i>				
64	Bộ mô hình phân tử dạng đặc HS lắp ráp được mô hình cấu tạo phân tử của một số chất hữu cơ (dạng đặc)		Bộ	1	

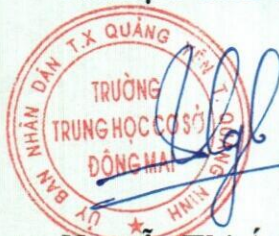
STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	- 17 quả Hydrogen (H), màu trắng, $\Phi 32\text{mm}$. - 9 quả Carbon (C) nối đơn, màu đen, $\Phi 45\text{mm}$. - 10 quả Carbon nối đôi, nối ba, màu ghi, $\Phi 45\text{mm}$. - 6 quả Oxygen (O) nối đơn, màu đỏ, $\Phi 45\text{mm}$. - 4 quả Oxygen nối đôi, màu da cam, $\Phi 45\text{mm}$. - 2 quả Chlorine (Cl), màu xanh lá cây, $\Phi 45\text{mm}$. - 2 quả Lưu huỳnh (S), màu vàng, $\Phi 45\text{mm}$. - 3 quả Nitrogen (N), màu xanh coban, $\Phi 45\text{mm}$. - 13 nắp bán cầu (trong đó 2 nắp màu đen, 3 nắp màu ghi, 2 nắp màu đỏ, 1 nắp màu xanh lá cây, 1 nắp màu xanh coban, 1 nắp màu vàng, 3 nắp màu trắng). - Hộp đựng có kích thước (410x355x62) mm, độ dày của vật liệu là 6mm, bên trong được chia thành 42 ô đều nhau có vách ngăn				
65	Mô hình phân tử dạng rỗng HS lắp ráp được mô hình cấu tạo phân tử của một số chất hữu cơ (dạng rỗng)		Bộ	1	
	- 24 quả màu đen, $\Phi 25\text{mm}$. - 2 quả màu vàng, $\Phi 25\text{mm}$. - 8 quả màu xanh lá cây, $\Phi 25\text{mm}$. - 8 quả màu đỏ, $\Phi 19\text{mm}$. - 8 quả màu xanh dương, $\Phi 19\text{mm}$. - 2 quả màu da cam, $\Phi 19\text{mm}$. - 3 quả màu vàng, $\Phi 19\text{mm}$. - 30 quả màu trắng sứ, $\Phi 12\text{mm}$ (trên mỗi quả có khoan lỗ $\Phi 3,5\text{mm}$ để lắp các thanh nối). - 40 thanh nối $\Phi 3,5\text{mm}$, màu trắng sứ, dài 60mm. - 30 thanh nối $\Phi 3,5\text{mm}$, màu trắng sứ, dài 45mm. - 40 thanh nối $\Phi 3,5\text{mm}$, màu trắng sứ, dài 60mm. - Hộp đựng có kích thước (170x280x40) mm, độ dày của vật liệu là 2mm, bên trong được chia thành 7 ngăn, có bản lề và khoá lấy gắn thân hộp với nắp hộp.				
66	Bộ dụng cụ đo khối lượng riêng		Bộ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Bình tràn 650ml bằng nhựa trong hình trụ ($\varnothing 100 \times 100$)mm, có nhánh ($\varnothing 8 \times 18$)mm cách miệng bình 10mm.				
	Cốc nhựa 250ml có vạch chia nhỏ nhất 10ml.				
	Ống đong bằng nhựa 250ml có vạch chia nhỏ nhất 1ml.				
	Vật không thấm nước dạng hình trụ nặng khoảng 140g có vạch chia và móc treo.				
67	Bộ dụng cụ thí nghiệm áp xuất khí quyển		Bộ	2	
	Cốc nước đường kính miệng 76 mm, cao 130 mm				
	Giấy bìa không thấm nước 100x100x0.5mm.				
68	Bộ dụng cụ thí nghiệm tác dụng làm quay của lực		Bộ	1	
	Thanh nhôm dài 300mm được chia 14 lỗ móc lực kế cách đều nhau, liên kết với giá có điểm tựa trục quay, khoảng cách giữa các lỗ là 20mm.				
	Trục quay bằng inox ($\varnothing 4 \times 50$)mm, 1 đầu được bọc nhựa ($\varnothing 10 \times 20$)mm				

Đông Mai, ngày 08 tháng 11 năm 2024

P. HIỆU TRƯỞNG

NHÂN VIÊN THIẾT BỊ



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ - ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
PHÂN MÔN: VẬT LÝ

I/ ĐỒ DÙNG

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thước cuộn 2m	6	Cái	2	
2	Lò xo lá cuộn ốc vặn	6	Quả	10	
3	Xe lăn nhựa	6	tấm	6	
4	Lò xo xoắn 1N	6	Cái	1	
5	Lò xo xoắn 5N	6	Cái	8	
6	Mỏ chữ S	6	Cái	2	
7	Thanh nam châm	6	Cái	6	
8	Bộ quả gia trọng 50g (6 quả)	6	Bình	6	
9	Nút cao su 1 lỗ đập vừa bình cầu	6	Bình	3	
10	Viên bi có dây	6	Bình	8	
11	Viên bi	6	Hộp	0	
12	Khớp nối chữ thập	6	Bộ	6	
13	Bộ mặt phẳng nghiêng	6	Cái		
14	Cân robecvan loại 200g kèm hộp quả cân	6	Cái	4	
15	Khối gỗ (dùng cho mặt phẳng nghiêng)	6	Cái	5	
16	Giá đỡ	6	Cái		
17	Lực kế 1N		Cái	3	
18	Lực kế 3N		Cái	4	
19	Lực kế 3N không vạch		Cái	0	
20	Đòn bẩy + trục	6	Ống	1	
21	Ròng rọc cố định	6	Ống		
22	Ròng rọc động	6	Ống		
23	Bình cầu đáy bằng	6	Ống	2	
24	Phễu nhựa	6	Ống	1	
25	Ống thủy tinh dài 200mm thành dày	6	Ống	2	
26	Chậu nhựa hình thang	6	khối	1	
27	Đèn cồn có nắp đập	6	Bình	2	
28	Thí nghiệm khối nở vì nhiệt của chất rắn (trang bị cho giáo viên)		cái	3	
29	Băng kép (lương kim)	6	cái	6	
30	Vòng nung kiềng Inox	6	cái	5	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
31	Tấm lưới inox	6	cái	5	
32	Nhiệt kế dầu 0-100 độ C	6	cái	4	
33	Nhiệt kế y tế	6	cái	3	
34	Ống thủy tinh chữ L	6	cái	4	
35	Kẹp băng inox	6	cái	4	
36	Ống nghiệm có in vạch	6	cái	3	
37	Bình tam giác 250ml	6	cái	5	
38	Đĩa nhôm tròn có gờ	6	cái	8	
39	Cốc đốt 250ml	6	cái	6	
40	Ống đong (bình chia độ)	6	cái	6	
41	Chân đế vuông	6	cái	3	
42	Thanh trụ 250, d=10mm	6	cái	3	
43	Thanh trụ 500, d=10mm	6	cái	3	
44	Bình tràn bằng nhựa + cốc hứng 10m;	6	cái	3	
45	Gia trọng 200g có móc	6	Bộ	2	
46	Bộ TN lực xuất hiện trong sự nở dầu vì nhiệt của chất rắn (trang bị cho giáo viên)	6	cái	3	
a	Phần Quang				
47	Hộp kín bên trong có đèn	7	Ống	3	
48	Ống nhựa cong	7	Ống	4	
49	Ống nhựa thẳng	7	cái	2	
50	Màn ảnh	7	túi	2	
51	Đinh gim	7	Cái	3	
52	Gương phẳng	7	Cái	1	
53	Tấm kính không màu	7	cái	1	
54	Gương cầu lồi	7	cái	5	
55	Gương cầu lõm	7	cái	3	
56	Gương tròn phẳng	7	cái	5	
57	Giá đỡ gương	7	cái	2	
58	Giá đỡ màn ảnh có trụ nhôm	7	cái	3	
59	Nguồn sáng 6V-3w (kèm chân giá, khe chắn sáng)	7	cái	3	
60	Tấm nhựa kẻ thước chia độ (bán nguyệt)	7	cái	3	
61	Hộp đựng thí nghiệm quang học	7	cái	2	
62	Giá quang học	7	cái	1	
b	Phần Âm				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
63	Trống + dùi	7	cái	8	
64	Quả cầu nhựa có dây treo	7	cái	4	
65	Âm thoa	7	Cái	8	
66	Bi thép có dây treo	7	Cái	6	
67	Thép lá	7	Cái	4	
68	Đĩa phát âm có 3 hàng lỗ	7	Quả	4	
69	Mô tơ 1.5v một chiều	7	khối	3	
70	Ống nhựa 2 loại	7	Bộ	4	
71	Chân đế nhỏ	7	Bộ	8	
72	Thanh trụ 250mm	7	cái	4	
73	Thanh trụ 330mm	7	cái	4	
74	Khớp nối chữ thập	7	quả	12	
75	Nguồn phát âm dùng vi mạch + hồ nước	7	Hộp	4	
76	Kẹp băng inox	7	cái	5	
77	Tay kẹp bướm (kẹp giấy)	7	cái	3	
78	Mảnh phim nhựa	7	cái	0	
79	Hộp đựng thí nghiệm âm	7	cái	3	
c	Phần Điện				
80	Thuốc nhựa dẹt	7	cái	1	
81	Bút thử điện thông mạch	7	cái	3	
82	Thanh thủy tinh hữu cơ	7	cái	6	
83	Mảnh nhôm mỏng	7	dây	9	
84	Đũa nhựa có lỗ giữa	7	cái	8	
85	Đũa nhựa không có lỗ giữa	7	cái	5	
86	Mảnh phim nhựa hình chữ nhật	7	cái	3	
87	Bảng lắp điện	7	cái	3	
88	Giá lắp pin	7	cái	4	
89	Công tắc có đế	7	cái	4	
90	Dây dẫn 2 đầu (12 sợi/bộ)	7	bộ	24	
91	Bình tràn nhựa	7	cái	5	
92	Điốt quang có đế	7	cái	7	
93	Bóng đèn kèm đui 2.5v có đế	7	cái	5	
94	Cầu chì ống + giá đỡ	7	cái	5	
95	Nam châm điện có giá đỡ	7	cái	5	
96	Thanh nam châm vĩnh cửu	7	cái	5	
97	Kim nam châm có giá đỡ (la bàn)	7	cái	4	
98	Chuông điện 1v-3v DC	7	cái	4	
99	Bình điện phân (điện cực than)	7	Bộ	3	
100	Ampeke 1-3 DC	7	Bộ	5	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
101	Vôn kế 6-12 v DC	7	Cái	5	
102	Hệ thống	7	Cái	3	
103	Dây điện trở+ chốt	7	Cái	3	
104	Biến trở con chạy	7	cái	3	
105	Ampeke chứng minh	7	Bộ	3	
106	Bóng điện 220v - 60w	7	cái	5	
107	Cầu chì dây	7	cái	2	
108	Bộ máng nghiêng 2 đoạn + thước bọt+ máy gõ nhịp	8	Bộ	5	
109	Bánh xe Măcxoen	8	cái	5	
110	Bộ khối thép	8	cái	15	
111	chậu hình thang	8	cái	1	
112	bột không ẩm	8	cái	1	
113	Khối nhựa có móc	8	cái	6	
114	Tấm nhựa cứng, tròn có dây treo	8	cái	2	
115	Ống nhựa	8	cái	2	
116	Ống nhựa nối bình thông nhau	8	cái	4	
117	Ống thủy tinh thẳng	8	cái	2	
118	Bộ núm nhựa hút	8	cái	2	
119	Ống nghiệm (thủy tinh chịu nhiệt...)	8	cái	1	
120	Bộ ống nghiệm có chia vạch	8	cái	2	
121	Bộ dụng cụ thí nghiệm về áp suất của chất lỏng	8	cái	4	
122	Viên bi có dây	8	cái	3	
123	Thước nhôm có cán 50 cm	8	cái		
124	Lò xo lá tròn có đế	8	cái	6	
125	Bộ dụng cụ thí nghiệm nhiệt của chất rắn	8	cái	3	
126	Bộ bình tràn + cốc hứng nước tràn	8	Bộ	3	
127	Cốc đốt 500ml	8	Bộ	3	
128	Cốc nhựa (có móc treo)	8	Bộ	6	
129	Xe lăn nhựa	8	Bộ	6	
130	Nam châm gỗ	8	Bộ	5	
131	Lực kế 5N	8	Bộ	6	
132	Lực kế 2 N	8	cái	6	
133	Nhiệt kế	8	cái	3	
134	Ròng rọc động	8	cái	3	
135	Khối ma sát (gỗ)	8	cái	5	
136	Nút cao su 18x180mm	8	cái	5	
137	Thanh trụ dài 500mm có ren răng	8	cái	5	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
138	Thanh trụ dài 250mm	8	cái	5	
139	Chân đế	8	cái		
140	Kẹp đa năng (tay kẹp nhôm)	8	cái	6	
141	Bộ khớp nối chữ thập	8	cái	3	
142	Kiềng inox	8	cái	2	
143	Lưới inox	8	cái	5	
144	Mây gỗ nhíp	8	cái	0	
145	Hồ nước 180x160x80mm	8	cái	2	
146	Đèn côn	8	cái	3	
147	Biến thế nguồn	9	cái	6	
148	Bộ điện trở mẫu (6Ω, 10Ω, 15Ω, 16Ω)	9	bộ	24	
149	Ampe kế DC 1-3A	9	cái	3	
150	Vôn kế 6-12 v	9	cái	6	
151	Công tắc (khóa K)	9	cái	4	
152	bộ dây dẫn (4 xanh, 5 đỏ)	9	bộ	6	
153	Ampe kế AC 1 - 5A	9	cái	6	
154	Vôn kế AC 12 - 36 v	9	Bộ	6	
155	Biến trở con chạy 20Ω, 2A	9	Bộ	6	
156	Dây contangtan loại nhỏ Φ 0,3mm, L=900mm	9	cuộn	6	
157	Dây contangtan loại nhỏ Φ 0,3mm, L=1800mm	9	Bộ	6	
158	Dây contangtan loại nhỏ Φ 0,3mm, L=2700mm	9	Bộ	6	
159	Dây contangtan loại nhỏ Φ 0,3mm, L=1800mm	9	Bộ	6	
160	Dây nirom loại nhỏ Φ 0,3mm, L=1800mm	9	Bộ	3	
161	Thanh đồng + đế	9	cái	6	
162	Bộ bình nhiệt lượng kế, dây đốt, que khuấy	9	Bộ	6	
163	Kiềng sắt	9	Bộ	2	
164	Nhiệt kế rượu	9	cái	6	
165	Biến trở than (núm vặn)	9	Thanh	6	
166	Bộ điện trở ghi số	9	Thanh	6	
167	Bộ điện trở có vòng màu	9	Thanh	6	
168	thước thẳng	9	Bộ	4	
169	Quạt điện	9	Cái	6	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
170	Bộ nam châm thẳng (2 thanh)	9	Bộ	6	
171	Nam châm chữ U	9	Cái	5	
172	La bàn loại to	9	Cái	5	
173	Bộ bảng lắp điện (6 bảng)	9	Cái	8	
174	Bộ thí nghiệm 0xtet	9	Bộ	6	
175	Hộp thí nghiệm từ phổ trong ống dây	9,7	cái	6	
176	La bàn loại nhỏ	9,7	bộ	6	
177	Bộ thí nghiệm chế tạo nam châm vĩnh cửu + dây thép	9,7	cái	6	
178	Biên thể thực hành	9	Cái	8	
179	Lõi sắt non	9	Cái	3	
180	Ống dây	9	bộ	6	
181	Đồng cơ điện- máy phát điện	9	Cái	2	
182	Bộ giá nạp pin	9	Cái	6	
183	Thanh trụ 1 Φ 10mm, dài 360mm	9	Cái	10	
184	Thanh trụ 2 Φ 10mm, dài 200mm	9	Cái	10	
185	Khớp nối chữ thập	9	Cái	6	
186	Bình nhựa không màu	9	Cái	6	
187	Bảng tôn	9	Cái	6	
188	Tấm nhựa chia độ	9	Cái	6	
189	Cốc nhựa	9	Cái	2	
190	Đinh gim	9	Cái	2	
191	Vòng tròn chia độ	9	Cái	7	
192	Tấm bán nguyệt	9	Ống	11	
193	Thấu kính hội tụ	9	Ống	5	
194	Kính phẳng hình tròn	9	cái	5	
195	Thấu kính phân kì	9	cái	5	
196	Màn ảnh	9	cái	4	
197	Giá quang học	9	cái	6	
198	Khe sáng chữ F	9	cái	10	
199	Bộ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính	9	cái	6	
200	Mô hình máy ảnh loại nhỏ	9	cái	6	
201	Bộ thí nghiệm phân tích ánh sáng trắng bằng lăng kính	9	cái	6	
202	Mô hình máy ảnh loại nhỏ	9	cái	6	
203	Bộ kính lúp 1,5x, 3x, 5x	9	bộ	6	
204	Hộp nghiên cứu sự tán xạ ánh sáng màu của các vật	9	cái	6	
205	Đĩa CD	9	cái	3	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
206	Bộ thí nghiệm tác dụng nhiệt của ánh sáng	9	cái	6	
207	Thí nghiệm chạy động cơ nhỏ bằng pin mặt trời	9	cái	3	
208	Đèn trộn mây của ánh sáng	9	cái	6	
209	Dụng cụ phát hiện dòng điện xoay chiều trong khung dây và mô hình khung dây dẫn quay trong từ trường	9	cái	6	
210	Tác dụng từ của dòng điện AC và DC	9	cái	6	
211	Bóng đèn, đui, dây, phích cắm 220v-100w		cái	6	
212	Đèn và giá lắp đèn		bộ	4	
213	Dụng cụ chuyển hóa động năng thành thế năng và ngược lại	9	cái	2	
214	Máy phát điện gió loại nhỏ thấp sáng đèn led		Bộ	0	
215	Chuông điện xoay chiều	9	cái	3	

II/ PHẦN TRANH ẢNH

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Số lượng cuối năm
1	Đồ thể tích	6	tờ	1	
2	Đo chiều dài	6	tờ	1	
3	Ứng dụng sự co giãn nhiệt	6	tờ	1	
4	Vòng bi	8	tờ	1	
5	Máy dùng chất lỏng	8	tờ	1	
6	Động cơ nơ 4 kỳ	8	tờ	8	
7	Máy dùng chất lỏng	8	tờ	1	
8	Đi ma no xe đạp	9	tờ	1	
9	Kết quả trộn ánh sáng màu	9	tờ	1	
10	Con mắt bồ dục	9	tờ	1	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nguyễn Thị Hào



DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
PHÂN MÔN: HÓA HỌC

I/ ĐỒ DÙNG

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Giá ống nghiệm	8,9	Cái	6	
2	Ống nghiệm 20mm	8,9	Ống	6	
3	Ống nghiệm 10mm	8,9	Ống	4	
4	Ống nghiệm 180mm	8,9	ống	2	
5	Bình tam giác lớn	8,9	Cái	8	
6	Bình tam giác nhỏ	8,9	Cái	9	
7	Phễu thủy tinh dài	8,9	Cái	8	
8	Lọ thủy tinh	8,9	Lọ	7	
9	Đèn cồn	8,9	Cái	6	
10	Đũa thủy tinh	8,9	Cái	0	
11	Thìa thủy tinh	8,9	Cái	0	
12	Muỗng sắt (thìa)	8,9	Cái	5	
13	Đế sứ	8,9	Cái	17	
14	Kẹp gỗ	8,9	Cái	0	
15	Khay nhựa	8,9	Cái	5	
16	Giấy quỳ tím	8,9	Hộp		
17	Giấy phenol	8,9	Hộp		
18	Bát sứ	8,9	Cái	32	
19	Chổi lau ống nghiệm	8,9	Cái	2	
20	Kiểm sắt	8,9	Cái	10	
21	Lưới sắt	8,9	Cái	4	
22	Chậu thủy tinh lớn	8,9	Cái	12	
23	Chậu thủy tinh nhỏ	8,9	Cái	8	
24	Ống hút	8,9	Cái	0	
25	Cối sứ	8,9	Cái	8	
26	Chày sứ	8,9	Cái	8	
27	Tấm kính vuông	8,9	Cái	5	
28	Bình cầu	8,9	Cái	5	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	Ống đong 10ml	8,9	Ống	0	
30	Cốc thủy tinh (500ml)	8,9	Cái	4	
31	Cốc thủy tinh 250ml	8,9	Cái	3	
32	Cốc thủy tinh 100ml	8,9	Cái	3	
33	Cốc thủy tinh 200ml	8,9	Cái	5	
34	Cốc thủy tinh 350ml	8,9	Cái		
35	Hộp mẫu phân bón hóa	9	Hộp		
36	Hộp mô hình phân tử đặc	9	Hộp	0	
38	Hộp mẫu phân tử dầu mỏ	9	Hộp	0	
39	Hộp mẫu phân tử cao su	9	Hộp	0	
41	Mô hình phân tử chất dẻo	9	Bộ	0	
42	Cân điện tử	9	Cái	0	
44	bình pisette 200ml	8,9	cái	2	
45	thìa đốt hóa chất cỡ nhỏ	8,9	cái	10	
46	Phễu nhựa trong không màu	8,9	cái	6	
47	Lọ Thủy tinh mẫu có nút qua hón	8,9	cái	0	
48	Lọ Thủy tinh không màu có nút quả bóp	8,9	cái	0	
49	Bình tam giác nhỏ chia vạch	8,9	Cái	0	
50	Kẹp sắt loại nhỏ	8,9	Cái	10	
51	Kẹp sắt loại nhỏ	8,9	Cái	10	
52	Kẹp sắt loại to	8,9	Cái	5	
53	Kẹp sắt loại to thẳng	8,9	Cái	5	
54	Kẹp giá thí nghiệm	8,9	Cái	15	
55	Kẹp vòng thí nghiệm	8,9	Cái	11	
56	Đế giá thí nghiệm	8,9	Cái	8	
57	Phễu thủy tinh loại to	8,9	Cái	7	
58	Bình tam giác 250ml	8,9	Cái	2	
59	Bình cầu	8,9	Cái	6	
60	Phễu Thủy tinh ngắn	8,9	Cái	5	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
61	Bình cầu không nhánh	8,9	Cái	12	
62	Bình cầu đế bằng	8,9	Cái	5	
63	Lọ thủy tinh trong nắp to	8,9	Cái	2	
64	lọ thủy tinh màu có nắp to	8,9	Cái	2	
65	Đĩa thủy tinh	8,9	Cái	6	
66	Ống nghiệm có nhánh	8,9	Cái	7	
67	Ống nghiệm có chia vạch	8,9	Cái	5	
III/ TRANH ẢNH					
1	Ứng dụng của nhôm	9	Tờ	1	
2	Sơ đồ lò luyện gang	9	Tờ	1	
3	Chung cất dầu mỡ và ứng dụng của các sản phẩm	9	Tờ	1	
4	Sơ đồ lò luyện gang	9	Tờ	1	
5	Chu trình các bon trong tự nhiên	9	Tờ	1	
6	Mô hình phóng đại tượng trưng một số mẫu chất	8	Tờ	7	
7	Trung cất dầu mỏ và ứng dụng của các sản phẩm	8	Tờ	1	
8	Điều chế và ứng dụng của Hidro	8	Tờ	6	
9	Ảnh hưởng của nhiệt độ đến độ tan các chất	8	Tờ	5	
10	Điều chế và ứng dụng của Oxi	8	Tờ	6	
11	Bảng tính tan trong nước của các Axit - Bazo - muối	8	Tờ	6	
12	Tỉ lệ % về thành phần khối lượng các nguyên tố trong vỏ trái đất	8	Tờ	6	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
PHÂN MÔN: SINH HỌC

I/THIẾT BỊ

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Mô hình rễ cây	6	Bộ	0	
2	Mô hình cắt ngang lá cây	6	Bộ	0	
3	Mô hình cắt ngang thân cây	6	Bộ	0	
4	Bộ thực hành sinh học	6	Bộ	1	
5	Bộ dụng cụ sinh học	7	Bộ	1	
6	Bộ mẫu ngấm động vật có xương sống	7	Bộ	0	
7	Bàn mổ cao su	7	Bộ	10	
8	Bộ đồ mổ động vật	7	Bộ	0	
9	Giá thí nghiệm	7	Cái	5	
10	Lọ nhựa	7	Lọ	2	
11	Chậu nhựa	7	Cái	6	
12	Chậu nhựa có lỗ	7	Cái	8	
13	Lồng nhựa	7	Cái	2	
14	Mô hình con tôm	7	cái	0	
15	Mô hình con ếch	7	Cái	0	
16	Mô hình con châu chấu	7	Cái	0	
17	Mô hình con thằn lằn	7	Cái	0	
18	Mô hình con thỏ nhà	7	Cái	0	
19	Mô hình con chim bồ câu	7	Cái	0	
20	Mô hình thận	8	cái	1	
21	Ống hút có quả bóp cao su	8	Cái		
22	Cốc thủy tinh 250ml	8	Cái	0	
23	Cốc thủy tinh 100ml	8	Cái	2	
24	Móc thủy tinh	8	Cái	0	
25	Đũa thủy tinh	8	Bộ	0	
26	Bộ kích thích	8	Bộ	0	
27	Đèn cồn	8	Cái	4	
28	Cặp ống nghiệm	8	Cái	6	
29	Máy đo nhịp tim	8	Chiếc		
30	Máy ghi công cơ	8	Bộ		
31	Mô hình nửa cơ thể người	8	Cái	2	
32	Mô hình bộ xương người	8	Cái	0	
33	Mô hình cấu tạo mắt người	8	Cái	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
34	Mô hình cấu tạo tai người	8	Cái	2	
35	Mô hình cấu tạo tủy sống	8	Cái	2	
36	Mô hình cấu tạo bán cầu não	8	Cái	2	
37	Mô hình cấu tạo tim người	8	Cái	1	
38	Hộp tiêu bản 1 một số loại mô	8	Hộp	1	
39	Mô hình phân tử ADN	9	Bộ	2	
40	Mô hình phân tử ARN	9	Bộ	2	
41	Mô hình tổng hợp protein	9	Bộ	1	
42	Mô hình tổng hợp ARN	9	Bộ	2	
43	Bộ ảnh thực hành	9	Bộ	6	
44	Khay nhựa	9	Cái	7	
45	Phễu nhựa	9	Cái	5	
46	Lam kính	9	Hộp	2	
47	La men	9	Hộp	2	
48	Kính hiển vi	9	Cái	0	
49	Kính lúp	9	Cái	8	

II/PHẦN TRANH ẢNH

1	Chu trình cacbon trong tự nhiên	6	Tờ	1	
2	Cấu tạo ngoài của các thân và các thân	6	Tờ	1	
3	Một số loài rễ biến dạng	6	Tờ	1	
4	Thí nghiệm về nhu cầu muối khoáng sản của cây	6	Tờ	1	
5	Cấu tạo trong của thân cây và sự vận chuyển các chất trong thân	6	Tờ	0	
6	Các loại thân biến dạng vi khuẩn nấm và địa y	6	Tờ	1	
7	Cấu tạo trong của phiến lá	6	Tờ	1	
8	Một số loại lá biến dạng	6	Tờ	1	
9	Đặc điểm bên ngoài của lá	6	Tờ	1	
10	Sinh sản dinh dưỡng tự nhiên và sinh sản dinh dưỡng do con người	6	Tờ	1	
11	Các loại quả	6	Tờ	1	
12	Cấu tạo hoa, cách sắp xếp hoa trên thân cây	6	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
13	Các bộ phận của hạt, cách phát tán quả và hạt	6	Tờ	1	
14	Sự trao đổi khí	6	Tờ	1	
15	Sơ đồ cây xanh có hoa	6	Tờ	2	
16	Biến dạng của lá	6	Tờ	1	
17	Quyết-cây dương xỉ	6	Tờ	2	
18	Sự thụ phấn ở hoa	6	Tờ	2	
19	Thụ tinh, kết hạt, tạo quả	6	Tờ	1	
20	Hạt trần - cây thông	6	Tờ	2	
21	Sơ đồ tổng kết cây 1 lá mầm và cây 2 lá mầm	6	Tờ	2	
22	Tảo	6	Tờ	2	
23	Sự phát triển của giới thực vật	6	Tờ	2	
24	Thực vật giúp giữ đất chống xói mòn	6	Tờ	1	
25	Vi khuẩn và vai trò của vi khuẩn trong đất	6	Tờ	1	
26	Tác dụng của thực vật với động vật	6	Tờ	1	
27	Bộ tranh sinh học	6	tờ	18	
28	Hạt và các bộ phận của hạt	6	Tờ	2	
29	Biến dạng của thân	6	Tờ	2	
30	Một số đại diện lớp thú	7	Tờ	1	
31	Bộ xương chim bồ câu	7	Tờ	2	
32	Bộ xương thỏ	7	Tờ	2	
33	Bộ xương thẳng lằn	7	Tờ	2	
34	Bộ xương cá	7	Tờ	2	
35	Bộ xương ếch	7	Tờ	1	
36	Tảo và một số tảo thường gặp	7	Tờ	1	
37	Thực vật góp phần điều hòa khí hậu	7	Tờ	1	
38	Một số loài nấm	7	Tờ	1	
39	Cấu tạo tế bào thực vật	7	Tờ	1	
40	Các loại rễ, các miền của rễ và cấu tạo miền hút của rễ	7	Tờ	1	
41	Một số cây có hoa, cây không có hoa	7	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
42	Đặc điểm chung của thực vật	7	Tờ	1	
43	Một số đại diện của ngành chân khớp	7	Tờ	1	
44	Cấu tạo của tôm	7	Tờ	1	
45	Vòng đời sán lá gan	7	Tờ	1	
46	Một số đại diện của ngành thân mềm	7	Tờ	1	
47	Sự đa dạng của giáp sát	7	Tờ	1	
48	Biến thái hoàn toàn và biến thái không hoàn toàn	7	Tờ	1	
49	Một số hình thức di chuyển	7	Tờ	1	
50	Một số đại diện của lớp chim	7	Tờ	1	
51	Một số đại diện của bò sát	7	Tờ	1	
52	Bộ xương cá	7	Tờ	1	
53	Bộ tranh sinh học	7	Tờ	21	
54	Một số đại diện lớp thú	8	Tờ	1	
55	Hình dạng và cấu tạo ngoài của thú	8	Tờ	1	
56	Sự sinh sản và phát triển của ếch	8	Tờ	1	
57	Cây phát sinh động vật	8	Tờ	0	
58	Tiến hóa của hệ vận chuyển	8	Tờ	1	
59	Tiến hóa của hệ tuần hoàn hệ hô hấp	8	Tờ	1	
60	Tiến hóa của hệ thần kinh	8	Tờ	0	
61	Cấu tạo các cơ	8	Tờ	1	
62	Điều hòa phối hợp hoạt động của các tuyến nội tiết	8	Tờ	1	
63	Cơ quan phân tích thính giác	8	Tờ	1	
64	Hướng dẫn thao tác sơ cứu băng bó cho người gãy xương	8	Tờ	1	
65	Cấu tạo tế bào động vật	8	Tờ	2	
66	Cơ quan phân tích thị giác	8	Tờ	1	
67	Cung phản xạ vận động và phản xạ sinh dưỡng	8	Tờ	2	
68	Cấu tạo cơ quan hô hấp	8	Tờ	2	
69	Cơ quan phân tích thính giác	8	Tờ	2	
70	Sơ đồ cấu tạo hệ tuần hoàn máu	8	Tờ	1	
71	Phần hệ thần kinh giao cảm và tối giản	8	Tờ	2	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
72	Cấu tạo của bộ não	8	Tờ	1	
73	Cấu tạo bắp cơ	8	Tờ	1	
74	Cấu tạo giác quan bài tiết nước tiểu	8	Tờ	2	
75	Sơ đồ cấu tạo hệ tiêu hóa	8	Tờ	2	
76	Cấu tạo xương dài và các loại khớp	8	Tờ	2	
77	Cơ quan phân tích thị giác	8	Tờ	1	
78	Sự thụ tinh	8	Tờ	2	
79	Sự phát triển của bào thai	8	Tờ	2	
80	Cấu tạo cơ quan sinh dục nam	8	Tờ	3	
81	Kế hoạch hóa gia đình các biện pháp tránh thai	8	Tờ	1	
82	Các đặc tính sinh dục phụ ở nữ	8	Tờ	2	
83	Cấu tạo cơ quan sinh dục nữ	8	Tờ	1	
84	Bộ tranh sinh học	8	Tờ	20	
85	Các đặc tính sinh dục phụ ở nam	8	Tờ	2	
86	Cấu tạo về các cơ quan bài tiết nước tiểu	8	Tờ	1	
87	Hướng dẫn thao tác sơ cứu cầm máu	8	Tờ	1	
88	Hướng dẫn thao tác hô hấp nhân tạo	8	Tờ	1	
89	Các loại mô	8	Tờ	1	
90	Một số giống gà	9	Tờ	1	
91	Một số giống vịt	9	Tờ		
92	Một số giống cá	9	Tờ		
93	Một số dạng biến đổi về số lượng các cấu trúc nhiễm sắc thể	9	Tờ	1	
94	NST hành tây ở các kỳ trực dưới kính hiển vi quang học	9	Tờ	1	
95	Lưới thức ăn của hệ sinh thái rừng	9	Tờ	1	
96	Sơ đồ sự di chuyển máu qua màu hoa ở đậu Hà Lan, sơ đồ giải thích tính trạng Menden	9	Tờ	1	
97	Bộ NST nam giới và bộ NST nữ giới	9	Tờ	1	
98	NST ở kì giữa và chu kì tế bào	9	Tờ	1	
99	Sơ đồ mối quan hệ ADN(gen), mARN protein	9	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
100	Bộ tranh sinh học	9	Bộ	1	
101	Lai 2 cặp tính trạng, sơ đồ giải thích lai 2 cặp tính trạng	9	Tờ	2	
102	Một số dạng đột biến nhiễm sắc thể	9	Tờ	1	
103	Trội không hoàn toàn	9	Tờ	2	
104	Các cặp tính trạng trong thí nghiệm Menden	9	Tờ	2	
105	Nhiễm sắc thể ở chu kì tế bào	9	Tờ	2	
106	Sơ đồ nguyên lí làm khí sinh học Bioga	9	Tờ	1	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024

P. HIỆU TRƯỞNG

NHÂN VIÊN THIẾT BỊ



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Hảo.

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: NGỮ VĂN

I/ ĐỒ DÙNG

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thạch Sanh	6	Tờ	3	
2	Sự tích Hồ Gươm	6	Tờ	2	
3	Ông lão đánh cá và con cá vàng	6	Tờ	3	
4	Cây bút thần	6	Tờ	2	
5	Sơn tinh thủy tinh	6	Tờ	4	
6	Con rồng cháu tiên	6	Tờ	4	
7	Thánh Gióng	6	Tờ	3	
8	Bình minh trên đảo Cô Tô	6	Tờ	1	
9	Một số loài chim ở đồng quê Bắc Bộ	6	Tờ	1	
10	Hồ Gươm và cụ rùa	6	Tờ	1	
11	Đền Hùng đền Gióng, Đền Thánh tảo viên	6	Tờ	1	
12	Vùng đất mũi cá mau và chợ năm căn	6	Tờ	1	
13	Chú bé thông minh	6	Tờ	2	
14	Cầu Long Biên, Cầu Chương Dương, Cầu Thăng Long	6	Tờ	1	
15	Bánh chưng bánh dày	6	Tờ	1	
16	Thành phố Hồ Chí Minh	7	Tờ	1	
17	Sông Hương (T/P Huế)	7	Tờ	1	
18	Nguyễn Trãi (1380 - 1442)	7	Tờ	2	
19	Ảnh chụp các trang do Hồ Chủ Tịch vẽ trên các báo Pháp đầu TK XX	7	Tờ	1	
20	Thủ đô Hà Nội	7	Tờ	1	
21	Hồ Chủ Tịch ở Việt Bắc	7	Tờ	3	
22	Hà Nội xưa và nay	7	Tờ	2	
23	Một số hình ảnh T/P Huế và Sông Hương	7	Tờ	1	
24	Sài Gòn xưa và nay	7	Tờ	1	
25	Hình ảnh Yên Tử	7	Tờ	2	
26	Một số tranh do Nguyễn Ái Quốc vẽ trên các Báo Pháp đầu thế kỷ XX	8	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
27	Phan Bội Châu (1867 - 1940)	8	Tờ	3	
28	Phan Châu Trinh (1872-1926)	8	Tờ	2	
29	Nguyễn Ái Quốc, Hồ Chí Minh (1890-1969)	8	Tờ	3	
30	Một số hình ảnh về bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp	9	Tờ	1	
31	Mây núi sapa	9	Tờ		
32	Ảnh chụp truyện Kiều được dịch ra bằng tiếng nước ngoài (bản kiều bằng chữ nôm)	9	Tờ	1	
33	Hình ảnh Nguyễn Du và Truyện Kiều	9	Tờ	1	
34	Một số hình ảnh về Nguyễn Đình Chiểu	9	Tờ	2	
35	Hình ảnh về khu tưởng niệm Nguyễn Du và một số minh họa	9	Tờ	1	
36	Hình ảnh các cô gái thanh niên xung phong ở trường sơn mà đường chống Mỹ	9	Tờ	1	
37	Lăng Bác Hồ	9	Tờ	1	
38	Đoàn xe bộ đội ở Trường Sơn trong những năm kháng chiến chống Mỹ	9	Tờ	1	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024

NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt


Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: ĐỊA LÍ

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Cầu tạo bên trong của trái đất	6	Tờ	1	
2	Cầu tạo của núi lửa	6	Tờ	1	
3	Các tầng khí quyển	6	Tờ	1	
4	Vị trí của trái đất trên quỹ đạo quanh mặt trời	6	Tờ	1	
5	Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa	6	Tờ	1	
6	Các đai khí áp và các loại gió chính trên trái đất	6	Tờ	1	
7	Lưới kinh vĩ tuyến	6	Tờ	1	
8	Phân bố lượng mưa trên thế giới	6	Tờ	1	
9	Hệ mặt trời	6	Tờ	1	
10	Các môi trường địa lí	7	Tờ	1	
11	Dân số mật độ dân số và các đô thị lớn	7	Tờ	1	
12	Các nước châu Âu	7	Tờ	1	
13	Châu Mỹ địa lí tự nhiên	7	Tờ	2	
14	Châu phi: dân số mật độ dân số và các đô thị lớn	7	Tờ	1	
15	Châu đại dương địa lí tự nhiên	7	Tờ	1	
16	Châu phi kinh tế chung	7	Tờ	1	
17	Châu phi địa lí tự nhiên	7	Tờ	1	
18	Châu mỹ: mật độ dân số và các đô thị lớn	7	Tờ	1	
19	Cảnh quan môi trường đới lạnh	7	Tờ	2	
20	Cảnh quan môi trường đới ôn hòa	7	Tờ	1	
21	Động vật miền khí hậu nóng	7	Tờ	1	
22	Rừng mưa nhiệt đới	7	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
23	Bảo vệ môi trường	7	Tờ	1	
24	Cảnh quan thảo nguyên	7	Tờ	1	
25	Cảnh quan rừng và cây bụi lá cứng kiểu địa Trung Hải	7	Tờ	1	
26	Ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường	7	Tờ	1	
27	Cảnh quan môi trường đới nóng	7	Tờ	1	
28	Các nước châu Âu	7	Tờ	1	
29	Cảnh quan môi trường hoang mạc	7	Tờ	1	
30	Một số động vật quý hiếm ở Việt Nam	8	Tờ	1	
31	Bản đồ Bắc Việt Nam	8	Tờ	1	
32	Châu Á: dân số mật độ dân số và các đô thị lớn	8	Tờ	1	
33	Các hệ thống sông hồng Việt Nam	8	Tờ	1	
34	Dãy Hoàng Liên Sơn	8	Tờ	1	
35	Đỉnh Phanxipang	8	Tờ	1	
36	Đồng Bằng Sông Hồng	8	Tờ	1	
37	Địa lí tự nhiên, Miền NTB và NB	8	Tờ	1	
38	Đông Nam Á: Địa lí tự nhiên	8	Tờ	1	
39	Khu vực Nam Á: Tự nhiên - Kinh tế	8	Tờ	1	
40	Phân bố thực-Động vật Việt Nam	8	Tờ	1	
41	Bản đồ trồng tự nhiên Việt Nam	8	Tờ	1	
42	Khu vực đông á tự nhiên - kinh tế	8	Tờ	1	
43	Các nước châu Á	8	Tờ	1	
44	Đất Việt Nam	8	Tờ	1	
45	ĐLTN: Miền bắc và đông nam bộ.	8	Tờ	1	
46	Các hệ thống sông Việt Nam	8	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
47	Động vật và thực vật Việt Nam	8	Tờ	1	
48	Đồng bằng Việt Nam: Địa lí tự nhiên	8	Tờ	1	
49	Khí hậu Việt Nam	8	Tờ	1	
50	Bộ tranh địa lí	8	Tờ	19	
51	Châu Á: kinh tế chung	8	Tờ	1	
52	Vùng Duyên Hải (Nam Trung Bộ), vùng Tây Nguyên, Vùng Bắc Trung Bộ	9	Tờ	1	
53	Cảnh quan đảo Trường xa	9+8	Tờ	1	
54	Các dân tộc thuộc nhóm ngữ hệ nam Á	9	Tờ	3	
55	Các dân tộc thuộc nhóm ngữ hệ nam đảo	9	Tờ	2	
56	Các dân tộc thuộc nhóm ngữ hệ Thái - Kadai		Tờ	1	
57	Các dân tộc thuộc nhóm ngữ hệ Hán Tạng		Tờ	2	
58	Bộ tranh địa lí	9	Tờ	0	
59	Cảnh quan rừng ngập mặn	8	Tờ	0	
60	Rừng Khốp	8	Tờ	1	
61	Cồn cát mũi né	8+9	Tờ	1	
62	Vùng đồng bằng nam bộ, vùng đồng bằng sông cửu long	9	Tờ	1	
63	Vùng trung du và miền núi bắc bộ, vùng đồng bằng sông hồng	9	Tờ	1	
64	Vùng biển và đảo Việt Nam	8+9	Tờ	0	
65	Vùng đồng bằng trung bộ: địa lí kinh tế	9	Tờ	0	
66	Giao thông và du lịch Việt Nam	9	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
67	Dân cư Việt Nam	9	Tờ	1	
68	Kinh tế chung Việt Nam	9	Tờ	1	
69	Vùng Duyên Hải (Nam Trung Bộ), vùng Tây Nguyên, địa lí kinh tế	9	Tờ	1	
70	Nông nghiệp, Lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam	9	Tờ	1	
71	Công nghiệp Việt Nam	9	Tờ	0	
72	Các nước châu Á	8	Tờ	1	
73	Quả địa cầu	6	Quả	1	
74	Mô hình trái đất quay quanh mặt trời	6	Bộ	1	
75	Con quay gió		Cái	0	
76	Nhiệt kế treo tường		Cái	0	

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: CÔNG NGHỆ

I/ ĐỒ DÙNG

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bóng đèn dạng đồng	8	Cái	1	
2	Bộ mẫu vật liệu cơ khí	8	Bộ	1	
3	Hộp dụng cụ lắp mạng điện trong nhà	8	Hộp	1	
4	Mô hình con lợn	7	con	7	
5	Mô hình con gà	7	con	7	
6	Bộ mẫu các loại vải	6	Bộ	1	
7	Lọ hoa	6	lọ (bát)	2	
8	BỘ VẬT LIỆU CƠ KHÍ		Bộ	1	
	Tấm nhựa Formex (khổ A3, loại dày 5mm)		cái	10	
	Tấm nhựa Formex (khổ A3, loại dày 3mm)		cái	10	
	Tấm nhựa Acrylic (A4, trong suốt, dày 3mm)		cái	10	
	Thanh keo nhiệt (đường kính 10mm)		cái	10	
	Vít ren và đai ốc M3		cái	100	
	Mũi khoan (đường kính 3mm)		mũi	5	
	Bánh xe (đường kính 65mm, trục 5mm)		cái	10	
	Hộp đựng dụng cụ		cái	1	
9	BỘ VẬT LIỆU CƠ KHÍ		Bộ	1	
	Tấm nhựa Formex (khổ A3, loại dày 5mm)		cái	10	
	Tấm nhựa Formex (khổ A3, loại dày 3mm)		cái	10	
	Tấm nhựa Acrylic (A4, trong suốt, dày 3mm)		cái	10	
	Thanh keo nhiệt (đường kính 10mm)		cái	10	
	Vít ren và đai ốc M3		cái	100	
	Mũi khoan (đường kính 3mm)		mũi	5	
	Bánh xe (đường kính 65mm, trục 5mm)		cái	10	
	Hộp đựng dụng cụ		cái	1	
10	BỘ VẬT LIỆU CƠ KHÍ		Bộ	1	
	Thước lá (dài 30 cm)			1	
	Thước cặp cơ (loại thông dụng);			1	
	Đầu vạch dấu (loại thông dụng);			1	
	Thước đo góc (loại thông dụng);			1	
	Thước đo mặt phẳng (loại thông dụng);			1	
	Dao dọc giấy (loại thông dụng);			1	
	Dao cắt nhựa Acrylic (loại thông dụng);			1	
	Ê tô nhỏ (khẩu độ 50 mm);			1	
	Dũa (đet, tròn) mỗi loại một chiếc;			1	
	Cưa tay (loại thông dụng);			1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Bộ tuốc nơ vít đa năng (loại thông dụng);			1	
	Mỏ lết cỡ nhỏ (loại thông dụng);			1	
	Kìm mỏ vuông (loại thông dụng);			1	
	Súng bắn keo (loại 10mm, công suất 60W).			1	
	Hộp đựng dụng cụ làm bằng nhựa			1	
11	BỘ DỤNG CỤ ĐIỆN		Bộ	1	
	Sạc pin Lithium (khay sạc đôi, dòng sạc 600 mA);			1	
	Đồng hồ vạn năng số (loại thông dụng);			1	
	Bút thử điện (loại thông dụng);			1	
	Kìm tuốt dây điện (loại thông dụng)			1	
	Kìm mỏ nhọn (loại thông dụng);			1	
	Kìm cắt (loại thông dụng)			1	
	Tuốc nơ vít kỹ thuật điện (loại thông dụng			1	
	Mỏ hàn thiếc (AC 220V, 60W), kèm đế mỏ hàn (loại thông dụng).			1	
	Hộp đựng dụng cụ			1	
	BỘ DỤNG CỤ ĐIỆN		Bộ	1	
	Sạc pin Lithium (khay sạc đôi, dòng sạc 600 mA);			1	
	Đồng hồ vạn năng số (loại thông dụng);			1	
	Bút thử điện (loại thông dụng);			1	
	Kìm tuốt dây điện (loại thông dụng)			1	
	Kìm mỏ nhọn (loại thông dụng);			1	
	Kìm cắt (loại thông dụng)			1	
	Tuốc nơ vít kỹ thuật điện (loại thông dụng			1	
	dụng).			1	
	Hộp đựng dụng cụ			1	
12	Găng tay bảo hộ		Bộ	1	
13	Kính bảo hộ		cái	1	
14	Nồi cơm điện		cái	4	
15	Bếp điện		cái	4	
16	Quạt điện		cái	4	
17	KHỐI HÌNH HỌC CƠ BẢN		Bộ	1	
	Bao gồm các khối đa diện (hình hộp, hình chóp, hình lăng trụ) có kích thước cạnh đáy tối thiểu 100 mm, chiều cao 200 mm; khối tròn xoay (hình trụ, hình nón, hình cầu) có đường kính đáy 100 mm, chiều cao 200 mm.				
	+ Khối hình hộp chữ nhật làm bằng nhựa trong suốt, kích thước đáy 100mm, chiều cao 200mm, rộng 59mm + Khối hình chóp làm nhựa trong suốt, kích thước đáy 100mm, chiều cao 200mm có trục thể hiện đường cao được đặt từ đỉnh hình chóp xuống tâm của mặt đáy, 1				

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	+ Khối hình lăng trụ làm bằng nhựa trong suốt, kích thước đáy 100mm, chiều cao 200mm.				
	+ Khối hình trụ làm bằng nhựa trong suốt, kích thước đáy 100mm, chiều cao 200mm bên trong có tấm nhựa trắng sọc đỏ liên kết khối hình trụ bằng trục kim loại có tay vận bằng nhựa.				
	+ Khối hình cầu làm bằng nhựa trong suốt đường kính 110mm bên trong có tấm nhựa trắng sọc đỏ liên kết khối hình cầu bằng trục kim loại có tay vận bằng nhựa.				
	+ Khối hình nón làm bằng nhựa trong suốt đường kính đáy 100mm chiều cao 200mm bên trong có tấm nhựa trắng sọc đỏ liên kết khối hình cầu bằng trục kim loại có tay vận bằng nhựa.				
	Đế nhựa dùng chung để lắp các Khối tròn xoay.				
18	CƠ CẤU TRUYỀN VÀ BIẾN ĐỔI CHUYỂN ĐỘNG		Bộ	1	
	tấm đế bằng nhựa.			1	
	bánh đai lớn rãnh tam giác.			1	
	bánh đai nhỏ rãnh tam giác.			1	
	bánh đai lớn rãnh vuông.			1	
	bánh đai nhỏ rãnh vuông.			1	
	dây đai tròn và dẹt.			2	
	bánh ma sát lớn.			1	
	bánh ma sát nhỏ.			1	
	bánh răng ăn khớp ngoài lớn.			2	
	bánh răng ăn khớp ngoài nhỏ.			1	
	đĩa xích lớn.			1	
	đĩa xích nhỏ			1	
	dây xích.			1	
	bánh cam.			1	
	hộp đế			1	
	con trượt			1	
	lò xo nén.			1	
	thanh răng			1	
	máng trượt chữ U.			1	
	thanh truyền			1	
	con trượt.			1	
	giá đỡ con trượt.			1	
	giá đỡ			1	
	Trục vít			1	
	đai ốc.			1	
	tay quay.			1	
	bạc nhôm			1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Trục truyền động.			1	
	Tất cả các thiết bị được đựng trong hộp nhựa			1	
19	BỘ DỤNG CỤ CHẾ BIẾN MÓN ĂN KHÔNG SỬ DỤNG NHIỆT		Bộ	1	
	Rỗ		cái	1	
	Thớt		cái	1	
	dao		cái	1	
	bát trộn		cái	1	
	đĩa		cái	1	
	thìa		cái	1	
	đũa trộn		đôi	10	
	BỘ DỤNG CỤ CHẾ BIẾN MÓN ĂN KHÔNG SỬ DỤNG NHIỆT		Bộ	1	
	Rỗ		cái	1	
	Thớt		cái	1	
	dao		cái	1	
	bát trộn		cái	1	
	đĩa		cái	1	
	thìa		cái	1	
	đũa trộn		đôi	10	
	BỘ DỤNG CỤ CHẾ BIẾN MÓN ĂN KHÔNG SỬ DỤNG NHIỆT			1	
	Rỗ		cái	1	
	Thớt		cái	1	
	dao		cái	1	
	bát trộn		cái	1	
	đĩa		cái	1	
	thìa		cái	1	
	đũa trộn		đôi	10	
	BỘ DỤNG CỤ CHẾ BIẾN MÓN ĂN KHÔNG SỬ DỤNG NHIỆT			1	
	Rỗ		cái	1	
	Thớt		cái	1	
	dao		cái	1	
	bát trộn		cái	1	
	đĩa		cái	1	
	thìa		cái	1	
	đũa trộn		đôi	10	
20	BỘ DỤNG CỤ TĨA HOA, TRANG TRÍ MÓN ĂN		Bộ	1	
	Chặn rau củ		cái	1	
	Dao cắt		cái	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Dao tỉa		cái	1	
	Kéo tỉa		cái	1	
	Dụng cụ tỉa củ		cái	1	
	Dao lam		cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ TỈA HOA, TRANG TRÍ MÓN ĂN		Bộ	1	
	Chặn rau củ		cái	1	
	Dao cắt		cái	1	
	Dao tỉa		cái	1	
	Kéo tỉa		cái	1	
	Dụng cụ tỉa củ		cái	1	
	Dao lam		cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ TỈA HOA, TRANG TRÍ MÓN ĂN		Bộ	1	
	Chặn rau củ		cái	1	
	Dao cắt		cái	1	
	Dao tỉa		cái	1	
	Kéo tỉa		cái	1	
	Dụng cụ tỉa củ		cái	1	
	Dao lam		cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ TỈA HOA, TRANG TRÍ MÓN ĂN		Bộ	1	
	Chặn rau củ		cái	1	
	Dao cắt		cái	1	
	Dao tỉa		cái	1	
	Kéo tỉa		cái	1	
	Dụng cụ tỉa củ		cái	1	
	Dao lam		cái	1	
21	BỘ DỤNG CỤ GIÂM CÀNH		Bộ	1	
	Dao		cai	1	
	Kéo		cái	1	
	xẻng trộn đất chuyên dùng cho giâm cành		cái	1	
	Khay nhựa 30cm x 50cm x 10cm		cái	1	
	Bình tưới cây ô zoa bằng nhựa 3l		cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ GIÂM CÀNH		Bộ	1	
	Dao		cai	1	
	Kéo		cái	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	xẻng trộn đất chuyên dùng cho giám cảnh		cái	1	
	Khay nhựa 30cm x 50cm x 10cm		cái	1	
	Bình tưới cây ô zoa bằng nhựa 3l		cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ GIÁM CẢNH		Bộ	1	
	Dao		cai	1	
	Kéo		cái	1	
	xẻng trộn đất chuyên dùng cho giám cảnh		cái	1	
	Khay nhựa 30cm x 50cm x 10cm		cái	1	
	Bình tưới cây ô zoa bằng nhựa 3l		cái	1	
	BỘ DỤNG CỤ GIÁM CẢNH		Bộ	1	
	Dao		cai	1	
	Kéo		cái	1	
	xẻng trộn đất chuyên dùng cho giám cảnh		cái	1	
	Khay nhựa 30cm x 50cm x 10cm		cái	1	
	Bình tưới cây ô zoa bằng nhựa 3l		cái	1	
22	Đĩa đo độ trong của nước (đĩa Secchi)		Cái	4	
23	Thùng đựng nước		Cái	2	
24	Bộ dụng cụ vẽ kỹ thuật		Bộ	2	
25	Bóng đèn các loại Tìm hiểu, Thực hành		Bộ	1	
26	Kìm Cắt, uốn kẽm		Cái	1	
27	Bộ khuôn làm hoa vải Tạo khung cánh hoa, lá		Bộ	1	
28	Bộ kềm làm hoa Tạo khung cánh hoa, lá; tạo gân cánh hoa, lá và kết cành		Bộ	1	

I/ TRANH ẢNH

1	Trình bày món ăn	6	Tờ	1	
2	Tỉa hoa trang trí món ăn	6	Tờ	1	
3	Nguyên tắc cắm hoa trang trí	6	Tờ	1	
4	Ký hiệu giặt là	6	Tờ	2	
5	Sơ đồ quy trình sản xuất vải sợi hóa học	6	Tờ	1	
6	Tỉa hoa trang trí món ăn	6	Tờ	1	
7	Các phương pháp chế biến thực phẩm	6	Tờ	2	
8	Trình bày món ăn	6	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
9	Trang trí nhà ở bằng cây cảnh và hoa	6	Tờ	2	
10	Ứng dụng của polime sợi vải thiên nhiên	6	Tờ	1	
11	ứng dụng của sự nở vì nhiệt	6	Tờ	1	
12	Nhiệt kế	6	Tờ	1	
13	Dấu hiệu của cây trồng bị sâu bệnh phá hoại	7	Tờ	2	
14	Các mặt chiếu, vị trí các mặt phẳng chiếu	8	Tờ	1	
15	Bản vẽ lắp	8	Tờ	2	
16	Bản vẽ nhà 1 tầng	8	Tờ	1	
17	Sản xuất và truyền tải điện năng	8	Tờ	2	
18	Dụng cụ cơ khí	8	Tờ	1	
19	An toàn về điện	8	Tờ	1	
20	Bàn là điện, bếp điện, nồi cơm điện	8	Tờ	1	
21	Mạng điện trong nhà	8	Tờ	1	
22	Ký hiệu trong sơ đồ điện	8	Tờ	1	
23	Bản vẽ chi tiết	8	Tờ	1	
24	Kỹ thuật cửa	8	Tờ	1	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025**MÔN: THỂ DỤC****I/ TRANH ẢNH**

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ tranh thể dục	6	tờ	10	
2	Đà 2 bước chéo ném bóng xa	7	tờ	3	
3	Cách cầm bóng ném chúng đích	7	tờ	2	
4	Đứng vai hướng ném xoay người ném bóng	7	tờ	2	
5	Bắt bóng bằng 2 tay	7	tờ	2	
6	Đà 1 bước ném bóng xa	7	tờ	2	
7	Tung và bắt bóng qua kheo chân	7	tờ	2	
8	Ngồi xồm trung và bắt bóng	7	tờ	2	
9	Chạy bền trên địa hình tự nhiên	7	tờ	2	
10	Chạy nâng cao đùi	7	tờ	2	
11	Bật xa	7	tờ	2	
12	Chạy bước nhỏ	7	tờ	1	
13	Xuất phát cao	7	tờ	1	
14	Chạy gót chạm mông	7	tờ	2	
15	Đà 4 bước chéo ném bóng xa	7	tờ	2	
16	Chạy đập sau	7	tờ	3	
17	Nhảy bước bộ trên không	7	tờ	2	
18	Chạy đà chính diện dậm nhảy	7	tờ	3	
19	Chạy đà co chân qua xà	7	tờ	2	
20	Chạy đà chính diện dậm nhảy chân lăng	7	tờ	2	
21	Sân thi đấu các môn	7	tờ	2	
22	Bộ tranh thể dục	8	tờ	5	
23	Chạy cự ly ngắn	8	tờ	3	
24	Đá cầu	8	tờ	3	
25	Nhảy cao kiểu bước qua	8	tờ	3	
26	Đường bóng bằng lòng bàn chân	8	tờ	2	
27	Bơi trườn sấp	8	tờ	2	
28	Phát bóng thấp tay nghiêng mình	8	tờ	2	
29	Đà 1 bước đá lăng	9	tờ	2	
30	Đà lăng trước đá năng trước sau	9	tờ	2	
31	Đà 3 bước dậm nhảy	9	tờ	2	
32	Đà 1 bước dậm nhảy đá năng chân bật xa	9	tờ	1	
33	Nhảy xa kiểu ngồi	9	tờ	2	
34	Chạy cự li ngắn	9	tờ	2	
35	Chạy bước nhỏ	9	tờ	2	

I/ ĐỒ DÙNG

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Số lượng cuối năm học
1	Bóng cao su		quả	40	
2	ván giậm nhảy		tấm	1	
3	Bộ cột đa năng		Bộ	1	
4	Bàn đập xuất phát		bộ	4	
5	Thước mét		cái	1	
6	Còi		Chiếc	2	
7	Thước dây		Chiếc	1	
8	Cờ lệnh thể thao		Chiếc	4	
9	Nắm thể thao		Chiếc	20	
10	Bơm		Chiếc	2	
11	Dây nhảy cá nhân		Chiếc	20	
12	Dây nhảy tập thể		Chiếc	1	
13	Bóng nhồi		Quả	2	
14	Dây kéo co		Cuộn	2	
15	Lưới chắn bóng		Cái	2	
16	Bàn đập xuất phát		Bộ	2	
17	Dụng cụ xới cát		Chiếc	1	
18	Bàn trang san cát		Chiếc	2	
19	Đệm nhảy cao		(2 tấm)	1	
20	Quả bóng rổ		Quả	10	
21	Cột, bảng bóng rổ		Bộ	2	
TỔNG: 56 MỤC					

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024

P. HIỆU TRƯỞNG

NHÂN VIÊN THIẾT BỊ



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nguyễn Thị Hào

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: MĨ THUẬT

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Cách tiến hành bài vẽ theo mẫu	6	Tờ	1	
2	Sơ qua về mỹ thuật cổ đại	6	Tờ	1	
3	Chép họa tiết dân tộc	6	Tờ	1	
4	Vài nét mỹ thuật thời Lí	6	Tờ	1	
5	Cách vẽ tranh đề tài	6	Tờ	1	
6	Trang trí chiếc khăn để đặt lọ hoa	6	Tờ	1	
7	Vẽ mẫu dạng hình hộp và hình cầu	6	Tờ	1	
8	Đề tài học tập	6	Tờ	1	
9	Một số công trình mỹ thuật tiêu biểu thời lí	6	Tờ	1	
10	Màu sắc trong thiên nhiên	6	Tờ	1	
11	Vẽ trang trí đường diềm	6	Tờ	1	
12	Tranh dân gian Việt Nam	6	Tờ	18	
13	Vẽ theo mẫu hình trụ và hình cầu	6	Tờ	1	
14	Mộ số bức tranh dân gian Việt Nam	6	Tờ	1	
15	Mẫu có 2 đồ vật (vẽ hình)	6	Tờ	1	
16	Mẫu có 2 đồ vật (vẽ đậm nhạt)	6	Tờ	1	
17	Vẽ đề tài ngày tết và mùa xuân	6	Tờ	1	
18	Đề tài của em	6	Tờ	1	
19	Kẻ chữ in hoa nét thanh nét đậm	6	Tờ	1	
20	Đề tài thể thao văn nghệ	6	Tờ	1	
21	Một số công trình tiêu biểu (của mỹ thuật Ai cập, Hi Lạp, La Ma thời cổ đại)	6	Tờ	1	
22	Đề tài quê hương em	6	Tờ	1	
23	Những điểm cơ bản của luật xa gần	6	Tờ	1	
24	Vẽ đề tài bộ đội	6	Tờ	1	
25	Giới thiệu tỉ lệ người	8	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
26	Trình bày bìa sách	8	Tờ	1	
27	Trang trí cái quạt giấy	8	Tờ	1	
28	Vẽ tranh cổ động	8	Tờ	1	
29	Một số công trình mỹ thuật tiêu biểu thời Lê	8	Tờ	1	
30	Cách vẽ chân dung	8	Tờ	1	
31	Vẽ tĩnh vật hoa và quả	8	Tờ	1	
32	Trang trí đồ vật bằng hình vuông và hình chữ nhật	8	Tờ	1	
33	Mẫu có 2 đồ vật (vẽ hình)	8	Tờ	1	
34	Tranh thiếu nhi	6,7,8,9	Tờ	20	
35	Mỹ thuật thời kì phục hưng	7	Tờ	5	
36	Mỹ thuật Việt Nam	6,7,8,9	Tờ	9	
37	Gà trống	6	Tờ	1	
38	Bà chúa thượng ngàn	6	Tờ	1	
39	Cá chép	6	Tờ	1	
40	Ngũ hổ	6	Tờ	1	
41	Hứng dừa	6	Tờ	1	
42	Đánh ghen	6	Tờ	1	
43	Thạch sanh	6	Tờ	1	
44	Lý ngư vọng nguyệt	6	Tờ	1	
45	Bà Triệu	6	Tờ	1	
46	Tổ nữ	6	Tờ	1	
47	Gà Mái	6	Tờ	1	
48	Tiến tài tiến lộc	6	Tờ	1	
49	Chợ quê	6	Tờ	1	
50	Tứ quý	6	Tờ	1	
51	Vinh hoa phú quý	6	Tờ	1	
52	Lợn nái	6	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
53	Bịt mắt bắt dê	6	Tờ	1	
54	Đám cưới chuột	6	Tờ	1	
55	Đấu vật	6	Tờ	1	
56	Mĩ thuật hiện đại phương tây từ cuối TK XIX đề đầu TK XX	8	Tờ	3	
57	Giá vẽ		cái	3	
58	Bảng vẽ		cái	3	

II. ĐỒ DÙNG

1	Đèn chiếu sáng		Bộ	2	
2	Giá để mẫu vẽ và dụng cụ học tập		Cái	2	
3	Bàn, ghế học mỹ thuật		Bộ	20	
4	Bục, bệ		Bộ	1	
5	Tủ / giá		Cái	1	
6	Mẫu vẽ		Bộ	1	
7	Giá vẽ (3 chân hoặc chữ A)		Cái	40	
8	Bảng vẽ		Cái	40	
9	Bút lông		Bộ	40	
10	Bảng pha màu		Cái	20	
11	Ống rửa bút		Cái	20	
12	Màu Goát (Gouache colour)		Hộp	20	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Nguyễn Thị Hảo



DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: ÂM NHẠC

I/ ĐỒ DÙNG

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đàn organ	6,7,8,9	Cái	1	
2	Chân đàn	6,7,8,9	Cái	1	
3	Khúc ca bốn mùa	7	Tờ	1	
4	Mái trường mến yêu	7	Tờ	1	
5	Lí cây đa	7	Tờ	1	
6	Tiếng ve gọi hè	7	Tờ	1	
7	Quê hương	7	Tờ	1	
8	Chú chim nhỏ dễ thương	7	Tờ	1	
9	Khúc hát chim sơn ca	7	Tờ	1	
10	Ca - Chiu - Sa	7	Tờ	1	
11	Đi cắt lúa	7	Tờ	1	
12	Ánh trăng	7	Tờ	1	
13	Ca ngợi tổ quốc	7	Tờ	1	
14	Em là bông hồng nhỏ	7	Tờ	1	
15	Mùa thu ngày khai trường	8	Tờ	1	
16	Nổi trống lên các bạn ơi	8	Tờ	2	
17	Dòng suối chảy về đâu	8	Tờ	1	
18	Thầy cô cho em mùa xuân	8	Tờ	1	
19	Chỉ có một trên đời	8	Tờ	0	
20	Làng tôi	8	Tờ	1	
21	Trở về su-ri-en-tô	8	Tờ	1	
22	Khát vọng mùa xuân	8	Tờ	1	
23	Hãy hát chú chim nhỏ hay hát	8	Tờ	1	
24	Chiếc đèn ông sao	8	Tờ	0	
25	Ngôi nhà chùa chúng ta	8	Tờ	1	
26	Hồ ba lí	8	Tờ	1	
27	Tuổi hồng	8	Tờ	1	
28	Lí kéo chài	9	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
29	Bóng dáng ngôi trường	9	Tờ	1	
30	Cánh én tuổi thơ	9	Tờ	1	
31	Lá xanh	9	Tờ	0	
32	Nụ cười	9	Tờ	1	
33	Nối vòng tay lớn	9	Tờ	1	
34	Cây sao	9	Tờ	1	
35	Nghệ sĩ với cây đàn	9	Tờ	1	

II. THIẾT BỊ

1	Trống nhỏ		Bộ	5	
2	Song loan		Cái	10	
3	Thanh phách		Cặp	20	
4	Triangle		Bộ	5	
5	Tambourine		Cái	5	
6	Bells Instrument		Cái	5	
7	Maracas		Cặp	5	
8	Woodblock		Cái	3	
9	Kèn phím		Cái	4	
10	Recorder		Cái	8	
11	Xylophone		Cái	3	
12	Ukulele		Cây	3	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt


Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: GIÁO DỤC CÔNG DÂN

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Tự chăm sóc rèn luyện thân thể	6	Tờ	1	
2	Biết ơn	6	Tờ	1	
3	Một số tấm gương về đạo đức tính siêng năng kiên trì	6	Tờ	1	
4	Thực hiện trật tự an toàn giao thông	6	Tờ	1	
5	Yêu thiên nhiên sống hòa hợp với thiên nhiên	6	Tờ	1	
6	Sống chan hòa với mọi người	6	Tờ	1	
7	Một số tấm gương sáng trong học tập	6	Tờ	1	
8	Quyền và nghĩa vụ học tập	6	Tờ	1	
9	Ghi nhớ ơn liệt sĩ	6	Tờ	1	
10	Bác Hồ với nhân dân Việt Nam	6	Tờ	1	
11	Sống giản dị	7	Tờ	2	
12	Yêu thương con người	7	Tờ	1	
13	Hồ Chủ tịch với thiếu nhi	7	Tờ	1	
14	Cuộc sông giản dị của Hồ Chủ tịch	7	Tờ	1	
15	Tình cảm của Hồ Chủ tịch với bộ đội	7	Tờ	1	
16	Mọi người dân thực hiện quyền bầu cử của mình	8	Tờ	2	
17	Bác Hồ với nhân dân Việt Nam	8	Tờ	1	
18	Ở chiến khu Việt Bắc Bác Hồ thường xuyên tham gia tập luyện bóng chuyền với các cán bộ và chiến sĩ	8	Tờ	2	
19	Bác sĩ nông học Lương Đình Của, anh hùng lao động tấm gương miệt mài say mê nghiên cứu cải tạo giống lúa	8	Tờ	2	
20	Nguyễn Ngọc Ký (quê Hải Thanh - Hải Hậu - Nam Định) 4 tuổi bị liệt hoàn toàn 2 tay, nhưng đã siêng năng, kiên trì rèn luyện vượt khó dành lấy cuộc sống có ý nghĩa nhất.	8	Tờ	1	
21	Ôn bài sau giờ lên lớp ở trung tâm bảo trợ xã hội (Hà Giang)	8	Tờ	1	
22	Thương người như thể thương thân	8	Tờ	2	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
23	Nghệ sĩ nhân dân Đặng Thái Sơn sau khi đạt giải thưởng lớn âm nhạc Quốc tế về thăm trường cũ	8	Tờ	2	
24	Rừng là tài nguyên thiên nhiên của đất nước	8	Tờ	2	
25	Sau con lũ	8	Tờ	2	
26	Rừng bị đốt phá làm lương rẫy	8	Tờ	2	
27	Ghi nhớ công ơn liệt sĩ	8	Tờ	1	
28	Chúng em tham gia phủ xanh đồi trọc	8	Tờ	2	
29	Phòng chống tệ nạn xã hội	8	Tờ	5	
30	Tích cực tham gia hoạt động chính trị - xã hội	8	Tờ	3	
31	Phòng ngừa tai nạn vũ khí cháy nổ	8	Tờ	1	
32	Bảo vệ hòa bình	9	Tờ	1	
33	Hợp tác cùng phát triển	9	Tờ	0	
34	Tình hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới	9	Tờ	1	
35	Nghĩa vụ bảo vệ tổ quốc	9	Tờ	1	
36	Đỗ Hoàng Thái Anh và Nguyễn Minh Tâm- HS khuyết tật (Từ Liêm) Sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows	9	Tờ	1	
37	Học sinh trường khiếm thị hội diễn nghệ thuật	9	Tờ	1	
38	Cần Thùy Linh - học sinh giỏi toàn diện	9	Tờ	1	
39	Kẻ xâm phạm thân thể, tài sản của công dân bị phát luật trừng trị (Vụ án Kháng trắng- Hà Nội)	9	Tờ	1	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

A blue ink signature, likely of Nguyễn Thị Hảo.

Nguyễn Thị Hảo

PHÒNG HỌC THÔNG MINH

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Máy tính bảng 10.6 inch, model MZ 96-Plus	6,7,8,9	Chiếc	3	
2	Tủ sạc thiết bị Model Ce 40	6,7,8,9	Chiếc	1	
3	Sạc máy tính bảng	6,7,8,9	Chiếc	8	
4	Thân bọc giảng	6,7,8,9	Chiếc	1	
5	Bộ điều khiển trung tâm	6,7,8,9	Chiếc	1	
6	Thiết bị âm thanh	6,7,8,9	Chiếc	1	
7	Micro cổ ngỗng	6,7,8,9	Chiếc	1	
8	Micro không dây	6,7,8,9	Chiếc	1	
9	Bộ xử lý trung tâm	6,7,8,9	Bộ	1	
10	thiết bị thu phát Wiji	6,7,8,9	Chiếc	1	
11	Camera vật thể	6,7,8,9	Chiếc	1	
12	Bảng tương tác thông minh	6,7,8,9	Chiếc	1	
13	Máy chiếu gần không dây Boxlight	6,7,8,9	Chiếc	1	
14	Hệ thống bảng viết phấn trượt ngang	6,7,8,9	Chiếc	1	
15	Bục điện tử	6,7,8,9	Chiếc	1	
16	Bàn phím	6,7,8,9	Chiếc	7	
TỔNG: 6 MỤC					

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐÔNG MẠI

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÍ

Đông Mai, ngày 12 tháng 1 năm 2018

(Signature)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Hảo



DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: TIẾNG ANH

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Đài catset		cái	1	
2	Đĩa CD	6,7,8,9	cái	0	
3	Hệ thống bảng trượt trắng	6,7,8,9	Bộ	1	
4	Máy chiếu siêu gần tích hợp tương tác Optoma	6,7,8,9	Bộ	1	
5	Máy tính xách tay HP	6,7,8,9	Chiếc	1	
6	Thiết bị điều khiển giáo viên	6,7,8,9	Chiếc	0	
7	Thiết bị điều khiển của học sinh	6,7,8,9	Chiếc	7	
8	Máy chiếu vật thể	6,7,8,9	Chiếc	1	
9	Thiết bị âm thanh di động Pleasing	6,7,8,9	Bộ	0	
	Mích	6,7,8,9	Bộ	0	
TỔNG: 6 MỤC					

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024

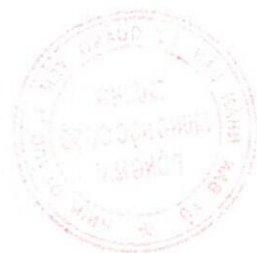
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Hảo.

Nguyễn Thị Hảo



DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: TIN HỌC

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Thiết bị kết nối mạng và đường truyền Internet		Bộ	1	
2	Bàn để máy tính, ghế ngồi		Bộ	1	
3	Switch/Hub		chiếc	1	
4	Wireless Router/Access Point		chiếc	1	
5	Cáp mạng UTP		Mét	1	
6	Đầu bấm mạng		cái	100	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt


Nguyễn Thị Hào

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

STT	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Bộ dụng cụ làm vệ sinh trường, lớp học: (Chổi, dụng cụ hốt rác có cán, găng tay lao động, khăn lau, khẩu trang y tế, giỏ đựng rác bằng nhựa có quai xách;)	Bộ	20	
2	Bộ dụng cụ chăm sóc hoa, cây trồng thông thường: (xẻng, chĩa 3 bằng nhựa, bình tưới cây 4 lít bằng nhựa, kéo cắt cành.)	Bộ	5	
3	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
4	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
5	Bộ lều trại	Bộ		

STT	lốp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
6	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
7	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	

STT	lốp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
8	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
9	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	
10	Bộ lều trại	Bộ		
	Móc chữ L: 30x170	cái	14	
	Dây dù dài 2,5m	cái	8	
	Bạt lều	cái	1	

STT	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
	Bạt mái che lều	cái	1	
	Thanh chống 4 góc lều trại dài dài 1750cm	Thanh	4	
	Thanh chống giữa lều trại dài 1700cm	Thanh	2	
	Thanh chống cửa lều trại dài 1700cm (có đầu nhọn)	Thanh	2	
	Thanh chéo góc lều trại dài 3850	Thanh	2	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu vàng) dài 2300cm	Thanh	1	
	Thanh ngang nóc lều trại (màu xám) dài 2100cm	Thanh	2	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024

P. HIỆU TRƯỞNG

NHÂN VIÊN THIẾT BỊ



Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

A blue ink signature, likely belonging to Nguyễn Thị Hảo.

Nguyễn Thị Hảo

DANH MỤC THIẾT BỊ -ĐDDH NĂM HỌC 2024-2025**MÔN: LỊCH SỬ****I/ TRANH ẢNH**

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Một số hình ảnh về văn hóa cổ đại phương đông	6	Tờ	1	
2	Một cảnh sinh hoạt của người Nguyên Thủy	6	Tờ	1	
3	Lớp học ngày xưa và lớp học ngày nay	6	Tờ	1	
4	Một số hiện vật về đời sống của người Nguyên Thủy ở Việt Nam	6	Tờ	1	
5	Một số hình ảnh về văn hóa cổ đại phương tây	6	Tờ	1	
6	Sơ đồ tổ chức nhà nước văn lang và di tích đền Hùng	6	Tờ	1	
7	Một số hiện vật ở thời đại dựng nước	6	Tờ	3	
8	Một số thành tựu về văn hóa và kinh tế của Cham Pa	6	Tờ	1	
9	Khởi nghĩa Bà Triệu	6	Tờ	1	
10	Khởi nghĩa 2 bà Trưng và cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Hán	6	Tờ	1	
11	Hiện vật và di tích đền thờ tại thành cổ Loa	6	Tờ	1	
12	Trống đồng ngọc lữ	6	Tờ	1	
13	Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng 938	6	Tờ	1	
14	Bản đồ cam Việt Nam	6	Tờ	4	
15	Lăng Ngô Quyền (Hà Tây)	6	Tờ	3	
16	Lãnh thổ Đại Việt đến thế kỉ XV	7	Tờ	1	
17	Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ 2 (1075-1072)	7	Tờ	2	
18	Khởi nghĩa Lam Sơn 1418-1427	7	Tờ	3	
19	Chiến thắng Tốt Động - Chúc Động	7	Tờ	3	
20	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang	7	Tờ	1	
21	Chữ nôm thời Quang Trung ấn Triệu tiền thời tây sơn	7	Tờ	1	
22	Phong trào nông dân đàng ngoài thế kỷ XVII	7	Tờ	1	
23	Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ I 981	7	Tờ	1	
24	Chiến thắng ngọc hội đồng đa	7	Tờ	3	
25	Khởi nghĩa Ba Đình 1886-1887	8	Tờ	2	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
26	Khởi nghĩa Yên thế	8	Tờ	1	
27	Vũ khí của nghĩa quân Phan Đình Phùng	8	Tờ	2	
28	Thực dân Pháp đánh chiếm và cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở sáu tỉnh Nam Kỳ 1859-1874	8	Tờ	2	
29	Các nước đế quốc xâm lược Trung Quốc từ giữa TK XIX - đầu TK XX	8	Tờ	3	
30	Đế quốc Nhật Bản cuối TK XIX đầu TK XX	8	Tờ	1	
31	Khởi nghĩa Hương Khê 1885 - 1895	8	Tờ	1	
32	Khởi nghĩa Bãi Sậy 1885-1895	8	Tờ	2	
33	Khánh thành kênh đào Xuê-Ê năm 1869	8	Tờ	4	
34	Phát xít Đức- Nhật đầu hàng đồng minh vô điều kiện	8	Tờ	2	
35	Lược đồ 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	8	Tờ	2	
36	Triển tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và sự thành lập Hợp chúng Quốc Mỹ (1775-1783)	8	Tờ	2	
37	Cuộc biểu tình của công nhân ngày 01/05/1882 ở Niu-ôc	8	Tờ	2	
38	Chiến tranh thế giới thứ 2 (1939-1945)	8	Tờ	1	
39	Tình cảnh người dân Pháp trước cách mạng	8	Tờ	1	
40	Lược đồ thế giới từ năm 1919-1945	8	Tờ	2	
41	Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1885-1889)	8	Tờ	2	
42	Thực dân Pháp đánh chiếm và cuộc khởi nghĩa chống Pháp ở sáu tỉnh Nam Kỳ 1859-1874)	8	Tờ	1	
43	Một số thành tựu kỹ thuật TK XIX	8	Tờ	1	
44	Cuộc biểu tình hòa bình của nhân dân thành phố Pê-tơ-rô-grat bị tàn sát	8	Tờ	3	
45	Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đánh tàu Ép-Pê-Răng	8	Tờ	2	
46	Ba tầng áp bức	8	Tờ	2	
47	Công xã Pari	8	Tờ	1	
48	Chủ nghĩa tư bản (TK XVI-1914)	8	Tờ	1	
49	Khởi nghĩa Mai Thúc Loan và khởi nghĩa Phùng Hưng	8	Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
50	Lược đồ của 13 thuộc địa Bắc Mĩ	8	Tờ	2	
51	Phong trào nông dân Yên Thế (1884-1913)	8	Tờ	2	
52	Lãnh tụ Nguyễn Ai Quốc với quá trình thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam (1919-1930)	9	Tờ	2	
53	Quân dân Miền Nam đánh bại các chiến lược chiến tranh của Mĩ Ngụy (1954-1973)	9	Tờ	4	
54	Các hình thức đấu tranh thời kì 1936-1939	9	Tờ	3	
55	Một số thành tựu đổi mới đất nước 1986-2000	9	Tờ	3	
56	Một số hình ảnh về kinh tế Việt Nam từ năm 1919-1929	9	Tờ	1	
57	Thắng lợi của tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975	9	Tờ	2	
58	Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng 8-1945	9	Tờ	3	
59	Bầu cử quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1-1946)	9	Tờ	1	
60	Hoạt động của quân dân cả nước chuẩn bị chiến dịch Điện Biên Phủ (1953- 1954)	9	Tờ	1	
61	Miền Bắc tiếp tục xây dựng CNXH và chống chiến tranh phá hoại lần thứ 2 của mĩ (1969-1973)	9	Tờ	2	
62	Cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968	9	Tờ	1	
63	Vũ khí của nhà Nguyễn và thực dân Pháp	9	Tờ	3	
64	Miền bắc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mĩ và tiếp tục xây dựng CHXH (1965-1968)	9	Tờ	3	
65	Cách mạng tháng 8 năm 1945	9	Tờ	2	
66	Chiến dịch Việt Bắc Thu Đông - 1947	9	Tờ	1	
67	Cách mạng 1930-1931 và Xô Viết Nghệ Tĩnh	9	Tờ	3	
68	Chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954	9	Tờ	1	
69	Chiến dịch biên giới Thu Đông 1950	9	Tờ	3	
70	Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954	9	Tờ	3	
71	Hội nghị I-AN-TA (2-1945)	9	Tờ	3	
72	Cuộc kháng chiến lần thứ 2 chống quân xâm lược nguyên 1285		Tờ	3	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
73	Ga Hà Nội 1900		Tờ	2	
74	Bầu cử quốc hội đầu tiên của nước VNDCCH (1-1946)	9	Tờ	1	
75	Một số thành tựu khoa học, công nghệ thế giới từ 1945 đến nay	9	Tờ	1	
76	Đền thờ 2 Bà Trưng ở (Hà Nội)		Tờ	3	
77	Tranh dân gian (2 Bà ra trận)		Tờ	3	
78	Trận Bạch Đằng năm 938 (bảo tàng lịch sử)		Tờ	1	
79	Kinh thành Lãng tổng thời Nguyễn		Tờ	2	
80	Chữ nôm thời Quang Trung ấn Triện tiền thời Tây Sơn		Tờ	1	
81	Một số tranh do Nguyễn Ái Quốc vẽ trên các báo ở Pháp đầu TK XX		Tờ	1	
82	Khởi nghĩa Hương Khê 1885 - 1895		Tờ	1	
83	Bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước VN DCCH (1-1946)	9	Tờ	1	
84	Nguyễn Tất Thành trên bến nhà Rồng		Tờ	3	
85	Một số thành tựu kỹ thuật TK XIX		Tờ	1	
86	Phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân Châu Á, Châu Phi và Châu Mỹ Latinh	9	Tờ	2	
87	Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước Đông Nam Á (cuối TK XỈ- đầu TK XX)	9	Tờ	3	
88	Chiến tranh giành độc lập của 13 nước thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và sự thành lập hợp chủng quốc mĩ 1775-1783		Tờ	2	
89	Hành Trình cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (1911-1941)	9	Tờ	3	
90	Cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược 1858-1885	9	Tờ	3	
91	Lược đồ các quốc gia ở Phương Đông và Phương Tây		Tờ	1	
92	Lược đồ thế giới từ năm 1919-1945		Tờ		
93	Tổng tiến công và nội dậy xuân năm 1975	9	Tờ	1	
94	Cuộc kháng chiến lần thứ 3 chống quân xâm lược Nguyên (1287-1288) và chiến thắng Bạch Đằng		Tờ	1	

STT	Tên đồ dùng	lớp	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
95	Khởi nghĩa Nam Sơn 1418-1427		Tờ	1	
96	Chiến thắng Chi Lăng - Xương Giang		Tờ		
97	Các nước trong liên minh Châu Âu EU	9	Tờ	1	
98	Một số thành tựu đổi mới đất nước 1986-2000		Tờ	1	
99	Phong trào nông dân đầu TK 16		Tờ	1	
100	Cuộc kháng chiến chống Tống 1981		Tờ	2	
101	Đình thờ Phùng Hưng		Tờ	3	
102	Tháp Chàm (Phan Răng)		Tờ	2	
103	Ga Hà Nội 2000		Tờ	2	
104	Lăng Bà triệu (Thanh Hóa)		Tờ	2	
105	10 hạt gạo cháy (đồng đội-Phú Thọ)		Tờ	3	
106	Kháng chiến chống Tống lần thứ 1(981)		Tờ	1	
107	Cuộc kháng chiến lần thứ nhất chống quân xâm lược mông cổ		Tờ	3	
108	Kháng chiến chống Tống (1075-1077)		Tờ	1	
109	Chiến tranh Trịnh Mạc và chiến Tranh Trịnh Nguyễn (1627-1672)		Tờ	1	
110	Sinh hoạt của bảy người Nguyên Thủy		Tờ	1	
111	Văn hóa trên Tang và thân Trống đồng ngọc lữ (VH Đông Sơn)		Tờ	2	
112	Khu Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam)		Tờ	2	
113	Lưỡi mai, lưỡi cuốc sắt (VH Đông Sơn)		Tờ	2	
114	Mặt trống đồng ngọc lữ (VH Đông sơn)		Tờ	1	
115	Tranh " Trận Bạch Đằng năm 938 (bảo tàng Lịch sử)		Tờ	1	
116	Kinh thành Lăng tẩm thời Nguyễn		Tờ	1	

Đông Mai, ngày 06 tháng 09 năm 2024
NHÂN VIÊN THIẾT BỊ

P. HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
ĐÔNG MAI
Nguyễn Thị Ánh Nguyệt


Nguyễn Thị Hào

